

World Blind Union



Empowered lives.
Resilient nations.



Quyền hiểu biết

**Đánh giá pháp lý về việc phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh
cho người không có khả năng đọc chữ in ở khu vực châu
Á-Thái Bình Dương**

Bản đánh giá tại Việt Nam

Proposed citation:

UNDP (2018). *Our right to knowledge: Legal reviews for the ratification of the Marrakesh Treaty for persons with print disabilities in Asia and the Pacific. Viet Nam edition.*

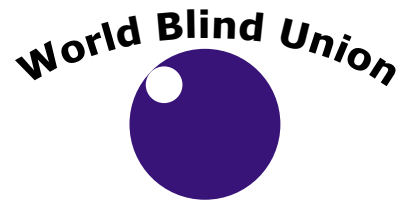
The views expressed in this publication are those of the authors and do not necessarily represent those of the United Nations, including UNDP, or UN Member States.

UNDP partners with people at all levels of society to help build nations that can withstand crisis, and drive and sustain the kind of growth that improves the quality of life for everyone. On the ground in more than 170 countries and territories, we offer global perspective and local insight to help empower lives and build resilient nations.

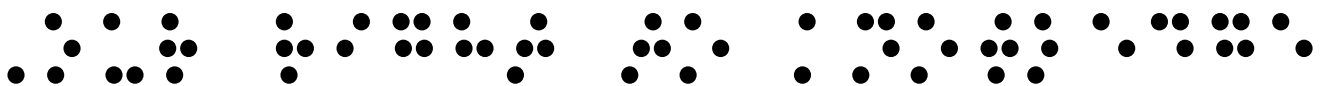
Copyright © UNDP 2018

United Nations Development Programme
Viet Nam Country Office
304 Kim Ma, Ba Dinh, Ha Noi
Email: registry.vn@undp.org
Tel: (+84 4) 38 500100
Fax: (84-4) 37265520
Web: <http://www.vn.undp.org/>

Cover photo: David Halberstadt, Flickr.



*Empowered lives.
Resilient nations.*



Quyền hiểu biết

**Đánh giá pháp lý về việc phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh
cho người không có khả năng đọc chữ in ở khu vực châu
Á-Thái Bình Dương**

Bản đánh giá tại Việt Nam

Mục lục

Lời cảm ơn.....	vi
Lời mở đầu.....	vii
Thuật ngữ.....	viii
Tóm tắt tổng quan.....	1
1. Giới thiệu.....	5
1.1 Chương trình nghị sự 2030 vì sự Phát triển Bền vững: Không để ai bị bỏ lại phía sau.....	6
1.2 Quyền tiếp cận kiến thức và thông tin.....	6
1.3 Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật.....	8
1.4. Quyền của Người khuyết tật khu vực châu Á-Thái Bình Dương: Thập kỷ của Người khuyết tật và Chiến lược Incheon.....	9
2. Hiệp ước Marrakesh.....	11
2.1 Cơ sở nền tảng: Giải quyết nạn đói sách.....	12
2.2 Các điều khoản chính và lợi ích mong đợi.....	13
2.2.1 Thuật ngữ.....	14
2.2.2 Tạo bản sao để tiếp cận.....	15
2.2.3 Phân phối các bản sao để tiếp cận trong nước.....	16
2.2.4 Xuất khẩu các bản sao để tiếp cận.....	16
2.2.5 Nhập khẩu các bản sao để tiếp cận.....	17
2.2.6 Mối liên hệ với các biện pháp bảo vệ công nghệ.....	17
2.2.7 Điều khoản bổ sung.....	17
2.2.8 Những lợi ích chính của Hiệp ước Marrakesh.....	18
2.3 Điều kiện cần thiết để phê chuẩn và thực hiện.....	19
3. Tổng quan bối cảnh Việt Nam.....	21
3.1 Thông tin chung.....	21
3.2 Quy định về bản quyền trong pháp luật ở Việt Nam.....	23
3.3 Kết luận và kiến nghị.....	25
4. Tổng kết và hướng đi tiếp theo.....	31
Phụ lục 1: Mẫu: Quy chế thực hiện Hiệp ước Marrakesh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các tác phẩm đã công bố cho người mù, người kém mắt, hoặc người không có khả năng đọc chữ in.....	33
Phụ lục 2: Tuyên bố của Hiệp hội người mù khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (WBUAP) tại Hong Kong.....	36

Lời cảm ơn

Báo cáo này là bản đánh giá tại Việt Nam của báo cáo khu vực: *Quyền hiểu biết: Đánh giá pháp lý về việc phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh cho người không có khả năng đọc chữ in ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương (2015)*

Trân trọng cảm ơn Ông/bà Caitlin Wiesen, Đỗ Thị Thanh Huyền, và Catherine Phuong (UNDP Việt Nam), cũng như Ông/bà Cao Văn Thành, Phạm Viết Thu, Đinh Việt Anh, và Trần Thị Hồng Hải (Hội Người mù Việt Nam).

Báo cáo này được thực hiện bởi hai chuyên gia pháp lý: Jonathan Band và Krista Cox thuộc Công ty Luật Policy Bandwidth (Washington D.C., Hoa Kỳ).

Ấn bản tiếng Việt ở các định dạng dễ tiếp cận do Hội Người mù Việt Nam sản xuất.

Báo cáo khu vực được soạn thảo dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn chung của Nadia Rasheed, Trưởng nhóm HIV, Y tế và Phát triển, UNDP Bangkok và bà Michiko Tabata, Chủ tịch Hiệp hội Người mù khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (WBUAP). Báo cáo này được coi là một phần trong sáng kiến hợp tác chung do Kazuyuki Uji (UNDP Bangkok) và Neil Jarvis (Hiệp hội người mù khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (WBUAP) khởi xướng.

Chân thành cảm ơn Ban Phát triển Xã hội của Ủy ban Kinh tế Xã hội Châu Á-Thái Bình Dương Liên Hiệp Quốc (UNESCAP).

Xin cảm ơn sâu sắc những cá nhân dưới đây đã có những đóng góp về chuyên môn cũng như các đóng góp dưới hình thức khác cho báo cáo khu vực và bản đánh giá tại Việt Nam:

Aiko Akiyama, Emma Andersson, Patrik Andersson, Tenu Avafia, Pradeep Bagival, Therese Bjork, Amara Bou, Monthian Buntan, Chan Yu Chong, Clifton Cortez, Baljid Dashdeleg, Maryanne Diamond, Gerel Dondow, Sarah Greenbaum, Teresa Hackett, Lanny Harijanti, Le Nam Hong, Jarintorn Kiatniyomrung, Catherine Kirk, Bharkas Losolsuren, Jamie Love, Mao Meas, Andrea Mueller, Alka Narang, Cecilia Oh, Andrea Pastorelli, Teemu Puutio, Wendy Snowdon, Agus Soetianto, Ermina Sokou, Ferdinand Strobel, và Pranee Threekul.

Độc giả có thể truy cập bản báo cáo khu vực do tổ chức Hội người Mù của Hoàng gia New Zealand công bố tại đường link sau: http://www.asia-pacific.undp.org/content/rbap/en/home/library/democratic_governance/hiv_aids/our-right-to-knowledge--legal-reviews-for-the-ratification-of-th.html

Bản báo cáo này do Ian Mungall thiết kế và Andy Quan biên tập.

Lời mở đầu

Tiếp cận tri thức là quyền của con người. Đây là điều kiện tiên quyết để con người có thể phát triển đầy đủ và toàn diện vì nó mở ra cánh cửa tới giáo dục, cơ hội việc làm, cải thiện sức khỏe, và sự tham gia vào hoạt động xã hội, văn hóa và chính trị.

Tuy nhiên, do thiếu các tác phẩm được công bố ở những định dạng dễ tiếp cận, nên gần 300 triệu người trên toàn cầu bị hạn chế nghiêm trọng về quyền hiểu biết. Họ là những người mù, người kém mắt hoặc người gặp khó khăn trong việc đọc chữ in do khuyết tật về thể chất hoặc khả năng học tập. Ước tính khoảng 90% “người không có khả năng đọc chữ in” hiện đang sống ở những nước đang phát triển. Việc tiếp cận những kiến thức bằng văn bản chưa công bằng, kịp thời và hợp lý làm cho các thách thức và vi phạm về quyền mà người khuyết tật đang phải đối mặt ngày càng trầm trọng và tồn tại lâu dài hơn. Điều này cản trở những nỗ lực toàn cầu trong việc phát triển toàn diện, công bằng và bền vững.

Hiệp ước Marrakesh nhằm tạo điều kiện cho người mù, người kém mắt, hoặc người không có khả năng đọc chữ in tiếp cận các tác phẩm đã công bố (Hiệp ước Marrakesh) được ký kết vào năm 2013 và có hiệu lực vào năm 2016. Hiệp ước Marrakesh có thể mở ra một môi trường pháp lý nhằm cải thiện khả năng tiếp cận các tác phẩm đã công bố cho những người không có khả năng đọc chữ in, tạo ra sự cân bằng hợp lý giữa việc bảo vệ quyền tác giả và bảo vệ lợi ích chung.

Sau Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (CRPD) mà Việt Nam phê chuẩn năm 2015, thể hiện cam kết rõ ràng của chính phủ Việt Nam đối với quyền của người khuyết tật; Hiệp ước Marrakesh là hiệp ước quốc tế thứ hai xác định cụ thể quyền của người khuyết tật. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa ký kết Hiệp ước này.

Hiệp ước Marrakesh sẽ cung cấp một khung pháp lý quan trọng, các cơ hội chính sách và vận động nhằm hỗ trợ thúc đẩy việc thực hiện CRPD tại Việt Nam. Hơn nữa, Hiệp ước Marrakesh cũng sẽ đóng góp một phần quan trọng cho sự tiến bộ của Việt Nam trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) nhờ vào sự cộng hưởng mạnh mẽ với các nguyên tắc chính là “không để ai bị bỏ lại phía sau” và “tiếp cận những đối tượng khó khăn nhất trước”. Đây chính là những giá trị cốt lõi của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Báo cáo này là kết quả của quan hệ đối tác giữa Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Hiệp hội người mù khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Báo cáo này cung cấp hướng dẫn thiết thực cho chính phủ, cộng đồng người khuyết tật và các đối tác phát triển nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc thảo luận chính sách, gắn kết cộng đồng và cải cách pháp luật đối với việc tham gia và thực hiện Hiệp ước Marrakesh tại Việt Nam. Chúng tôi hy vọng rằng báo cáo sẽ góp phần hoàn thiện các quyền của người khuyết tật, đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực đạt được SDGs ở Việt Nam.

Caitlin Wiesen
Giám đốc quốc gia
UNDP Việt Nam

Michiko Tabata
Chủ tịch
WBUAP

Thuật ngữ

Bản sao ở định dạng dễ tiếp cận- Hiệp ước Marrakesh định nghĩa bản sao ở định dạng dễ tiếp cận là bản sao “cho phép người thụ hưởng có thể tiếp cận tác phẩm, bao gồm cho phép người đó tiếp cận dễ dàng và thoải mái như người không bị khiếm thị hoặc người có khả năng đọc chữ in bình thường. Định nghĩa này đảm bảo rằng có thể tạo ra bất kỳ định dạng khác cần thiết của tác phẩm để phù hợp với nhu cầu tiếp cận của đối tượng thụ hưởng. Bản sao dễ tiếp cận có thể ở nhiều định dạng khác nhau như chữ nổi, tệp chuyển văn bản thành giọng nói, âm thanh và các định dạng khác.

Tổ chức được ủy quyền- Hiệp ước Marrakesh định nghĩa “Tổ chức được ủy quyền” là “tổ chức được chính phủ cho phép hoặc công nhận chịu trách nhiệm cung cấp hoạt động giáo dục, đào tạo, giảng dạy, đọc hoặc tiếp cận thông tin cho người thụ hưởng trên cơ sở phi lợi nhuận.” Hiệp ước cho phép các tổ chức lợi nhuận trở thành tổ chức được ủy quyền, miễn là tổ chức đó cung cấp hoạt động giáo dục hoặc truy cập thông tin cho người thụ hưởng trên cơ sở phi lợi nhuận. Nó “cũng bao gồm các tổ chức chính phủ hoặc tổ chức phi lợi nhuận cung cấp các dịch vụ tương tự cho người thụ hưởng như là một trong những hoạt động chính hoặc nghĩa vụ cơ bản của tổ chức đó,” thậm chí ngay cả khi tổ chức không được chính phủ ủy quyền hoặc công nhận cung cấp dịch vụ đó.

Người thụ hưởng- Hiệp ước Marrakesh định nghĩa “người thụ hưởng” là a) người mù; b) “người kém mắt hoặc khuyết tật về khả năng nhận thức hoặc đọc mà không thể cải thiện chức năng thị giác cơ bản tương đương với thị giác của người không có suy giảm hoặc khuyết tật và do đó không thể đọc các tác phẩm in”; hoặc c) “người vì bất kỳ một khuyết tật thể chất nào khác không thể cầm nắm hoặc thao tác một cuốn sách, hay tập trung hoặc di chuyển mắt để đọc ở mức độ bình thường.” Định nghĩa này rộng và không chỉ bao gồm những người mù hoặc người kém mắt.

Công ước Berne- Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật là một thỏa thuận quốc tế được thông qua lần đầu tiên vào năm 1886 (nhưng sau đó được sửa đổi nhiều lần) và cung cấp các tiêu chuẩn quốc tế tối thiểu về bản quyền. Phần lớn các điều khoản của Công ước Berne được đưa vào Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). Hiện nay, 168 quốc gia là thành viên của Công ước Berne, trong đó nhiều quốc gia tích hợp những tiêu chuẩn này cũng là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (CRPD) – Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật là hiệp ước về quyền của con người của Liên Hợp Quốc trong đó yêu cầu các bên thúc đẩy, bảo vệ và đảm bảo quyền của người khuyết tật. Công ước được ký vào ngày 30 tháng 3 năm 2007 và có hiệu lực vào ngày 3 tháng 5 năm 2008. Công ước CRPD có hơn 150 bên tham gia. Một số phần trong Công ước CRPD hỗ trợ đảm bảo quyền tiếp cận bản sao của các tác phẩm. Hơn nữa, Hiệp ước Marrakesh được coi là một phương thức cụ thể nhằm thực hiện những giao ước đã nêu trong Công ước CRPD và thúc đẩy quyền của người mù, người kém mắt hoặc những người không có khả năng đọc chữ in.

Hệ thống thông tin kỹ thuật số dễ tiếp cận/truy cập (DAISY)– DAISY là định dạng sách nói kỹ thuật số được người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in sử dụng rộng rãi. DAISY nỗ lực cung cấp những tiện ích tương tự như những người có khả năng đọc thông thường, ví dụ như điều hướng theo chương hoặc trang, và có thể đọc hoặc bỏ qua phần chú thích và thanh menu công cụ bên cạnh. DAISY đang tích hợp với định dạng EPUB phổ biến để tạo ra định dạng sách đa phương tiện chính thống dễ tiếp cận.

Khuyết tật về khả năng đọc chữ in - Theo nghĩa rộng, khuyết tật về khả năng đọc chữ in được hiểu là bất kỳ khuyết tật nào gây khó khăn trong việc đọc tài liệu in một cách hiệu quả. Nó bao gồm những người mù, người kém mắt, đồng thời định nghĩa này cũng áp dụng cho người khuyết tật về khả năng đọc như chứng khó đọc, hoặc những người có khuyết tật về mặt thể chất khiến cho họ không thể cầm được sách, lật trang, hoặc mắt không thể tập trung vào trang sách.

Các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền (TPM)- Các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền là một hình thức quản lý quyền dưới dạng kỹ thuật số, còn được gọi là “khóa kỹ thuật số”. TPM có thể ngăn chặn truy cập vào các định dạng dễ tiếp cận, chẳng hạn như chức năng chuyển văn bản thành giọng nói trên máy đọc điện tử. Các quốc gia có luật cấm phá dỡ các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền cần phải đảm bảo rằng luật của quốc gia đó có ngoại lệ cho người thụ hưởng của Hiệp ước Marrakesh.

Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)- Hiệp định TRIPS là một thỏa thuận của Tổ chức Thương mại Thế giới nhằm đưa ra những tiêu chuẩn tối thiểu về sở hữu trí tuệ cho các nước thành viên WTO. Mặc dù Hiệp định TRIPS bao gồm các mức bảo vệ tối thiểu, nhưng vẫn duy trì một số tính linh hoạt nhất định trong quá trình thực hiện. Tuy Hiệp định TRIPS chỉ cung cấp các tiêu chuẩn quốc tế tối thiểu, nhưng một số quốc gia có nghĩa vụ phải tuân thủ các tiêu chuẩn cao hơn, còn được gọi là tiêu chuẩn "TRIPS-plus", do các hiệp định hoặc thỏa thuận thương mại khác mà quốc gia đó là một bên ký kết. Các quốc gia được coi là 'các nước kém phát triển nhất' (LDCs) đã được hưởng một số miễn trừ nhằm kéo dài thời gian chuẩn bị trước khi TRIPS có hiệu lực với luật pháp của nước đó. Mặc dù vậy, một số nước kém phát triển nhất đã thực hiện được các tiêu chuẩn tối thiểu theo TRIPS.

Hiệp ước về quyền tác giả WIPO (WCT)-WCT là một hiệp ước quốc tế về quyền tác giả được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) thông qua vào năm 1996. Hiệp ước tập trung vào việc bảo vệ bổ sung cho quyền tác giả trong kỷ nguyên số. Liên quan đến những vấn đề khác, hiệp ước đòi hỏi các bên phải cung cấp "bảo vệ pháp lý đầy đủ và các biện pháp pháp lý hiệu quả ngăn chặn hành động phá dỡ các biện pháp công nghệ mà tác giả đã sử dụng để bảo vệ quyền của họ ..." Một số bên đã thực thi nghĩa vụ này bằng cách đề ra luật nghiêm cấm phá dỡ các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền. Hiệp ước Marrakesh yêu cầu nếu 'Bên ký kết' không phải là thành viên của WCT, các tổ chức được ủy quyền chỉ có thể xuất khẩu bản sao để tiếp cận nếu nó hạn chế các ngoại lệ theo Hiệp ước phù hợp với thử nghiệm ba bước trong hệ thống bản quyền.

Tác phẩm- Hiệp ước Marrakesh định nghĩa tác phẩm là tác phẩm văn học và nghệ thuật được thể hiện bằng văn bản, ký hiệu và/hoặc hình minh họa có liên quan, bất kể đã được công bố hoặc công khai đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào. Chú thích bổ sung thêm rằng định nghĩa này bao gồm các tác phẩm như vậy ở định dạng âm thanh. Mặc dù các tác phẩm nghe nhìn, như là phim không nằm trong định nghĩa này, nhưng bao gồm những văn bản được nhúng trong các tác phẩm nghe nhìn (chẳng hạn như các DVD giáo dục đa phương tiện).



Tóm tắt tổng quan

Báo cáo này gồm cả bản đánh giá tại Việt Nam của báo cáo khu vực: *Quyền hiểu biết: Đánh giá pháp lý về việc phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh cho người không có khả năng đọc chữ in ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương* được công bố vào năm 2015. Báo cáo ban đầu nhằm tạo điều kiện cho đối thoại chính sách, cải cách pháp lý và gắn kết cộng đồng ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong việc nỗ lực thúc đẩy phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh, nhằm tạo cơ hội cho người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in tiếp cận các tác phẩm đã công bố (sau đây được gọi là “Hiệp ước Marrakesh” hoặc “Hiệp ước”). Hiệp ước thể hiện mong muốn rằng thông qua Hiệp ước này, người khuyết tật có thể nhận ra rằng các quyền của họ được luật pháp quốc tế bảo đảm.

Thúc đẩy quyền của người khuyết tật đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu phát triển và đảm bảo sự công bằng hơn về tiếp cận thông tin, giáo dục và việc làm. Báo cáo này sẽ cung cấp nền tảng quan trọng về tiếp cận thông tin và người khuyết tật; thảo luận các vấn đề phát triển; và đưa ra các khuyến nghị pháp lý để thực hiện Hiệp ước ở Việt Nam.

Tiếp cận thông tin, gồm các thông tin thường có trong văn bản, là cơ sở cho số lượng lớn các quyền của con người được công nhận bao gồm quyền tham gia vào xã hội, tham gia vào đời sống văn hóa, hưởng lợi từ những tiến bộ khoa học, tự do bày tỏ ý kiến, tự do ngôn luận, và tiếp cận cơ hội giáo dục và việc làm. Những quyền này được tán thành trong nhiều hiệp ước về quyền của con người, trong đó có Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (CRPD) đưa ra những nghĩa vụ cụ thể trong việc thúc đẩy quyền cho người không có khả năng đọc chữ in. Những người khuyết tật thường không thể tiếp cận những thông tin cần thiết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình phát triển, cụ thể là: tỷ lệ giáo dục và việc làm thấp hơn và tỷ lệ đói nghèo cao hơn. Những người khuyết tật cũng đặc biệt bị ảnh hưởng khi có thiên tai.

Quyền hiểu biết rất quan trọng trong việc đạt được nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau” – đây là giá trị cốt lõi của Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Điều này phụ thuộc vào công tác xóa đói giảm nghèo và cải thiện chất lượng giáo dục và việc làm, kể cả đối với người khuyết tật. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) xác định những nhiệm vụ cụ thể đối với người khuyết tật, bao gồm trao quyền và thúc đẩy sự hòa nhập xã hội, kinh tế và chính trị. Trong năm 2014, Hiệp hội người mù khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (WBUAP) đã ban hành Tuyên bố Hong Kong, kêu gọi chính phủ các nước phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh nhằm thúc đẩy quyền tiếp cận các tác phẩm văn học, văn hóa và tài liệu giáo dục (Xem Phụ lục 2).

Xác định vấn đề liên quan đến khuyết tật đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển do mối liên hệ giữa khuyết tật và đói nghèo. Những người khuyết tật có khả năng phải đối mặt với tác động bất lợi về giáo dục, việc làm và thu nhập. Tại các nước đang phát triển có thể thấy sự tăng trưởng các bệnh không lây nhiễm, như tiểu đường, và tình trạng gia tăng dân số già, từ đó làm tăng nguy cơ và tỷ lệ khuyết tật, bao gồm khuyết tật khả năng đọc chữ in. Vì vậy việc nhiều người có khả năng truy cập các tác phẩm đã công bố ở định dạng dễ tiếp cận càng trở nên quan trọng hơn.

Báo cáo này thảo luận về những thách thức mà người không có khả năng đọc chữ in phải đối mặt, đặc biệt là đối với “nạn đói sách” khi mà phần lớn các tác phẩm đã công bố đều ở định dạng khó có thể tiếp cận. Theo ước tính, chưa đến 10% tất cả các sách được xuất bản ở định dạng dễ tiếp cận với nhiều định dạng khác nhau, bao gồm chữ nổi, dạng âm thanh hay công nghệ chuyển văn bản thành giọng nói cho các tác phẩm có sẵn bằng điện tử. Ở các nước thu nhập thấp thì tỷ lệ này thậm chí còn thấp hơn.

Báo cáo giải thích chi tiết những quy định quan trọng trong Hiệp ước Marrakesh và những lợi ích mà các quy định này sẽ mang lại cho những người không có khả năng đọc chữ in. Báo cáo này xem xét bối cảnh và pháp luật nhằm đề xuất các khuyến nghị liên quan đến cải cách pháp lý cần thiết ở Việt Nam để tuân thủ Hiệp ước Marrakesh.

Sau nhiều năm tuyên truyền vận động của Hiệp hội người mù thế giới (WBU) và các tổ chức liên minh cùng với các cuộc đàm phán sâu rộng tại Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới, cuối cùng, cộng đồng quốc tế đã thông qua Hiệp ước Marrakesh vào tháng 6 năm 2013 trong một hội nghị ngoại giao và có hiệu lực vào năm 2016. Hiệp ước Marrakesh yêu cầu các Bên ký kết (tức là, các quốc gia đã phê chuẩn) áp dụng các ngoại lệ về bản quyền, cho phép tạo và phân phối bản sao để tiếp cận của các tác phẩm, bao gồm cả trao đổi qua biên giới. Các lợi ích chính của Hiệp ước là kết quả thực hiện các điều khoản trong Hiệp ước này. Trong một số điều kiện cụ thể, hạn chế và ngoại lệ cho phép:

- 1) Tạo các bản sao để tiếp cận;
- 2) Phân phối các bản sao để tiếp cận trong nước;
- 3) Xuất khẩu các bản sao để tiếp cận (bao gồm truyền dẫn kỹ thuật số); và
- 4) Nhập khẩu các bản sao để tiếp cận (bao gồm tải kỹ thuật số).

Các ngoại lệ cho phép tạo và phân phối các bản sao để tiếp cận mà không cần sự đồng ý của chủ sở hữu bản quyền. Điều này sẽ tạo điều kiện cho nhiều tác phẩm được công bố ở định dạng dễ tiếp cận. Quan trọng hơn, hiệp ước Marrakesh hỗ trợ giải quyết nạn đói sách bằng cách giảm bớt tình trạng thiếu các tác phẩm được tạo ra trong nước, đồng thời tiết kiệm tài nguyên, tránh trùng lặp thông qua việc trao đổi qua biên giới, với điều kiện là các nước phê chuẩn và thực thi các điều khoản của Hiệp ước. Các quốc gia có lượng tác phẩm công bố thấp hơn có thể được hưởng lợi rất lớn từ nguồn tác phẩm hiện có và đang ngày càng tăng lên ở các quốc gia khác, đặc biệt là ở những quốc gia sử dụng ngôn ngữ chung. Bởi vì nhà xuất bản thường không bán bản sao để tiếp cận ở những quốc gia đang phát triển nên nhà xuất bản sẽ không mất doanh thu do hoạt động của Hiệp ước.

Trong việc quy định giới hạn hoặc ngoại lệ để cho phép tạo ra bản sao để tiếp cận, Hiệp ước Marrakesh không yêu cầu các Bên ký kết hạn chế ngoại lệ đối với các trường hợp không có định dạng dễ tiếp cận thương mại. Ngoài ra, Hiệp ước Marrakesh yêu cầu các Bên ký kết chấp nhận một ngoại lệ đối với việc ngăn chặn hành động phá dỡ các giải pháp công nghệ, nhằm cho phép tạo ra một bản sao để tiếp cận hoặc đảm bảo khả năng phá bỏ lệnh cấm thông qua các cơ chế khác.

Hiệp ước Marrakesh không yêu cầu cụ thể cách thức thực hiện các mục tiêu này; mà Hiệp ước cho phép các Bên ký kết linh hoạt trong quá trình thực hiện. Tính linh hoạt này cho phép mỗi quốc gia điều chỉnh các giới hạn và ngoại lệ phù hợp với bối cảnh của từng nước, ví dụ như các truyền thống pháp lý và hỗ trợ riêng cho những người không có khả năng đọc chữ in. Mặc dù việc sao chép hoàn toàn các hạn chế và ngoại lệ chi tiết và mạnh mẽ của Hiệp ước Marrakesh có thể phù hợp ở một số nước, nhưng dựa theo bối cảnh pháp luật, các quốc gia có thể đơn giản hóa các hạn chế và ngoại lệ sao cho đầy đủ và thích hợp.

Tính đến tháng 10 năm 2018, có 45 Bên ký kết Hiệp ước, bao gồm 70 quốc gia, nhưng chỉ có 7 quốc gia tại khu vực châu Á.

Việt Nam đã phê chuẩn CRPD vào năm 2015 nhưng vẫn chưa tham gia ký kết Hiệp ước Marrakesh. Theo Tổng điều tra dân số năm 2009, người khuyết tật Việt Nam chiếm khoảng 7,8% dân số, trong đó có khoảng 1 triệu người khiếm thị. Tỷ lệ người khuyết tật ở Việt Nam biết chữ, được giáo dục và có việc làm thấp hơn so với dân số nói chung. Hệ thống chữ nổi ở Việt Nam có nguồn gốc từ các ngôn ngữ khác nhau, mặc dù nó gần giống với chữ nổi tiếng Pháp. Tuy nhiên, nhiều học sinh không thể tiếp cận các định dạng chữ nổi này. Một báo cáo cho thấy hơn 50% học sinh khiếm thị không có những quyển sách cần thiết cho việc học tập. Mặc dù Luật Sở hữu trí tuệ 2005 của Việt Nam đã đưa ra quy định ngoại lệ cụ thể cho việc “chuyển” tác phẩm thành chữ nổi, nhưng quy định này vẫn cần được mở rộng để áp dụng cho các định dạng dễ tiếp cận khác.

Ngoài ra, quy định pháp luật về bản quyền của Việt Nam trong Luật Sở hữu trí tuệ 2005 cần được sửa đổi để quy định rõ ràng quyền nhập khẩu cho các tổ chức được ủy quyền và điều khoản xuất khẩu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi các bản sao để tiếp cận qua biên giới. Luật Sở hữu trí tuệ cũng nên được sửa đổi để đảm bảo rằng những người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in được quyền phá dỡ các biện pháp bảo vệ công nghệ thông qua việc mua thiết bị có khả năng hiển thị các tác phẩm kỹ thuật số để tiếp cận.

Để thực hiện hiệu quả Hiệp ước Marrakesh, tận dụng đầy đủ các lợi ích của Hiệp ước là cần thiết. Việc phê chuẩn Hiệp ước và đưa ra các quy định thực hiện là không đủ. Mặc dù hiệp ước sẽ tạo ra khung pháp lý cần thiết để giải

quyết “nạn đói sách”, nhưng các chính phủ và tổ chức phải được chuẩn bị để hỗ trợ việc tạo và phân phối các bản sao để tiếp cận, và đảm bảo việc trao đổi các bản sao này qua biên giới được diễn ra.

Báo cáo xem xét các quy định pháp luật về bản quyền của Việt Nam và đưa ra các khuyến nghị cụ thể liên quan đến việc thực thi pháp luật. Ngoài ra, Phụ lục 1 cung cấp một quy chế mẫu dựa trên văn bản của Hiệp ước Marrakesh. Việt Nam có thể dựa vào mẫu này để soạn thảo luật thực thi của riêng mình, tùy thuộc vào luật hiện hành.

Mặc dù ấn bản này chỉ tập trung vào bối cảnh Việt Nam, nhưng thông tin và phân tích trong báo cáo này cũng có thể hữu ích cho các quốc gia khác đang tìm cách thúc đẩy phát triển, giải quyết các vấn đề liên quan đến người khuyết tật và thực hiện Hiệp ước Marrakesh. Các nước đã ký cam kết với CRPD và các Mục tiêu Phát triển Bền vững nên tìm cách cải thiện khả năng tiếp cận thông tin cho những người khuyết tật, phê chuẩn và thực hiện Hiệp ước Marrakesh.

Chương

1

Giới thiệu

Thông tin dữ liệu năm 2014 của Tổ chức Y tế Thế giới ước tính có 285 triệu người khiếm thị.¹Khoảng 90% những người khiếm thị này sống ở các nước đang phát triển.²Hơn nữa, khi già đi, số lượng người mất thị lực và tỷ lệ khiếm thị tăng lên: 82% người khiếm thị ở độ tuổi trên 50.³

Những người khiếm thị đang ở trong tình thế bất lợi nghiêm trọng so với những người có thị lực bình thường bởi vì trên thực tế phần lớn các tác phẩm không có sẵn ở định dạng dễ tiếp cận, chẳng hạn như chữ nổi, âm thanh hoặc bản in chữ phóng to. Ngoài những người khiếm thị, có những người không có khả năng đọc chữ in do khuyết tật về thể chất, tri giác, phát triển khả năng nhận thức hoặc học tập. Những cá nhân này không thể tiếp cận thông tin trong hầu hết các tác phẩm in.

Báo cáo về Người khuyết tật thế giới năm 2011 của Tổ chức Y tế Thế giới và Ngân hàng Thế giới ghi nhận mối liên hệ giữa khuyết tật và đói nghèo:

Khuyết tật là vấn đề liên quan đến phát triển, bởi vì khuyết tật có mối liên kết hai chiều với đói nghèo: khuyết tật có thể làm tăng nguy cơ đói nghèo, và đói nghèo có thể làm tăng nguy cơ khuyết tật. Ngày càng nhiều minh chứng thực tế từ khắp nơi trên thế giới chỉ ra rằng người khuyết tật và gia đình họ có nhiều khả năng chịu những bất lợi kinh tế và xã hội hơn những người không khuyết tật.⁴

Báo cáo cho thấy khuyết tật có “tác động tiêu cực đến giáo dục, việc làm [và] thu nhập” và “các khoản chi liên quan đến khuyết tật tăng lên”.⁵Khả năng tiếp cận giáo dục giảm đi dẫn đến giảm cơ hội việc làm, và ngay cả khi tìm được việc làm, người khuyết tật thường được trả lương ít hơn những người không khuyết tật.⁶Do đó, “người khuyết tật sẽ không được hưởng lợi nhiều từ sự phát triển và thoát khỏi đói nghèo do phân biệt đối xử trong công việc, hạn chế trong việc tiếp cận giao thông và nguồn lực để thúc đẩy hoạt động tự kinh doanh và sinh kế”.⁷Ngoài ra, người khuyết tật “có thể phải chịu thêm chi phí phát sinh do khuyết tật - chẳng hạn như chi phí chăm sóc y tế hoặc thiết bị hỗ trợ ...”⁸

Tình trạng gia tăng dân số già gần đây và tỷ lệ mắc các bệnh không lây nhiễm tăng lên ở nhiều nước đang phát triển dự kiến sẽ làm tăng tỷ lệ người khuyết tật. “Sự gia tăng bệnh tiểu đường, bệnh tim mạch (bệnh tim và đột quỵ), rối loạn tâm thần, ung thư và bệnh đường hô hấp trên toàn thế giới sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến tỉ lệ người khuyết tật. Ước tính có khoảng 66,5% người khuyết tật đang sống ở các nước có thu nhập thấp và trung bình.”⁹Hơn nữa, tuổi

1 Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Trang tin số 282, *Mất thị lực và mù lòa* (Tháng 8 năm 2014), có thể truy cập tại <http://www.who.int/mediacentre/factsheets/fs282/en/>. Tuy nhiên, theo báo cáo chung năm 2011 của WHO và Ngân hàng Thế giới, số lượng người khiếm thị được ước tính cao hơn. Báo cáo ước tính có 314 triệu người khiếm thị, trong đó 45 triệu người bị mù hoàn toàn (*Báo cáo về Người khuyết tật thế giới* (2011), trang 172). Một vài số liệu và ước tính có thể khác nhau do phương pháp luận khác nhau.

2 Ibid.

3 Ibid.

4 WHO và WB, *Báo cáo về Người khuyết tật thế giới* (2011), trang 10.

5 Ibid., trang 47.

6 Ibid.

7 Ibid.

8 Ibid.

9 Ibid.

thọ dài hơn có nghĩa là số lượng người cao tuổi tăng lên, do đó số lượng người khiếm thị do tuổi tác có khả năng tăng lên.

Chính phủ nên tìm cách giải quyết vấn đề số lượng người không có khả năng đọc chữ in gia tăng và những thách thức mà người khuyết tật phải đối mặt liên quan đến đối nghèo.

1.1 Chương trình nghị sự 2030 vì sự Phát triển Bền vững: Không để ai bị bỏ lại phía sau

Thúc đẩy tiếp cận kiến thức đóng vai trò rất quan trọng để đạt được sự phát triển con người và nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau” - một giá trị cốt lõi của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững:

“Khi chúng tôi cùng nhau bắt đầu cuộc hành trình tuyệt vời này, chúng tôi cam kết sẽ không còn ai bị bỏ lại phía sau. Chúng tôi thừa nhận rằng nhân phẩm của con người là nền tảng, chúng tôi mong muốn đạt được các mục đích và mục tiêu đã đề ra cho tất cả các quốc gia, dân tộc và cho tất cả mọi người trong xã hội. Và chúng tôi sẽ cố gắng tiếp cận đến những người khó khăn nhất trước.”

Nhận thấy thực tế là người khuyết tật bị bỏ lại phía sau, trong đó hơn 80% người khuyết tật sống trong cảnh đói nghèo¹⁰ và họ thường nằm trong nhóm những người nghèo nhất,¹¹ do đó Mục tiêu Phát triển Bền vững của Chương trình nghị sự 2030 đã chỉ ra sự quan tâm đối với người khuyết tật. Ví dụ, trong Mục tiêu 4.a, kêu gọi cải tiến cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục cho “trẻ em, người khuyết tật và nhạy cảm về giới.”¹²

Trong nỗ lực nhằm giảm bớt sự bất bình đẳng của Mục tiêu 10, Mục tiêu Phát triển Bền vững kêu gọi “trao quyền và thúc đẩy hòa nhập xã hội, kinh tế và chính trị cho mọi lứa tuổi, giới tính, khuyết tật, chủng tộc, sắc tộc, nguồn gốc, tôn giáo hoặc kinh tế hay các tình trạng khác” đến năm 2030.¹³ Mặc dù Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ không đề cập cụ thể đến khuyết tật, nhưng Mục tiêu Phát triển Bền vững công nhận tầm quan trọng của việc thúc đẩy quyền của người khuyết tật.

Mục tiêu Phát triển Bền vững nhận thấy tầm quan trọng và cần đặc biệt chú ý đến giáo dục, việc làm và sự hòa nhập trong tất cả các mục tiêu nhằm đảm bảo người khuyết tật có cơ hội phát triển. Tuy nhiên, nếu không có bản sao dễ tiếp cận, người không có khả năng đọc chữ in sẽ gặp khó khăn trong quá trình phát triển này và phải liên tục đối mặt với nguy cơ bị bỏ lại sau so với những người được hưởng lợi từ sự phát triển.

1.2 Quyền tiếp cận kiến thức và thông tin

Tiếp cận kiến thức, gồm các thông tin thường có trong văn bản, là nền tảng cho các mục tiêu phát triển đã nêu ở trên. Quyền thông tin là cơ sở công nhận số lượng lớn các quyền của con người bao gồm quyền tham gia vào xã hội, tham gia vào đời sống văn hóa, hưởng lợi từ những tiến bộ khoa học, tự do bày tỏ ý kiến, tự do ngôn luận, và tiếp cận cơ hội giáo dục và việc làm.¹⁴

Những quyền này đã được công nhận trong nhiều văn bản quốc tế bao gồm Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền; Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR); Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR); Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em (CRC); và, gần đây nhất là Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (CRPD).

Giá trị cốt lõi ở đây là: tiếp cận kiến thức và thông tin là quyền của con người bởi vì khả năng tiếp cận đó là yếu tố cơ bản để đạt được nhiều quyền khác và đã nhận được sự đồng thuận trong những hiệp ước này. Do đó, tiếp cận kiến thức và thông tin cũng chính là khả năng truy cập các bản sao dễ tiếp cận đối với người khiếm thị hoặc người khuyết tật khác.

Quyền hiểu biết đóng vai trò rất quan trọng trong khả năng thực hiện các quyền cơ bản bao gồm:

10 Thay đổi thế giới: Chương trình phát triển bền vững đến năm 2030, <https://sustainabledevelopment.un.org/post2015/transformingourworld>

11 WHO, *Người khuyết tật luôn nằm trong nhóm những người “nghèo nhất trong những người nghèo”*, <http://www.who.int/bulletin/volumes/83/4/news0405/en/>

12 Nền tảng kiến thức phát triển bền vững, Đề xuất nhóm công tác mở cho mục tiêu phát triển bền vững, <https://sustainabledevelopment.un.org/sdgsproposal> (lần truy cập gần nhất ngày 3 tháng 7 năm 2015).

13 Ibid.

14 Đối với các điều khoản cụ thể bảo đảm các quyền này trong các Hiệp ước quốc tế về nhân quyền, xem Phụ lục 3.

- **Quyền thông tin, tự do bày tỏ ý kiến và tự do ngôn luận¹⁵:** Về bản chất, nhiều văn bản quy định quyền của con người nêu rằng người không có khả năng đọc chữ in phải được truy cập các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận để bắt nguồn từ quyền này. Nếu không được truy cập các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận, người khuyết tật có thể gặp khó khăn trong việc tiếp nhận hoặc truyền đạt thông tin, đặc biệt đối với thông tin trong các văn bản. Những thông tin này vô cùng cần thiết trong việc thực hiện và thể hiện quyền tự do bày tỏ ý kiến.
- **Quyền tham gia vào xã hội¹⁶:** Quyền này bao gồm khả năng và cơ hội tham gia cộng đồng và đời sống chính trị và xã hội nói chung. Các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận là cần thiết để đảm bảo rằng tất cả mọi người đều nắm được thông tin cần thiết (bao gồm các thông tin về luật, quy định, tin tức và các tài liệu khác) để thông tin tới những người ra quyết định, đảm bảo nhân phẩm và thúc đẩy sự tự lực.
- **Quyền tham gia vào đời sống văn hóa¹⁷:** Quyền này vốn dĩ phụ thuộc vào khả năng tiếp cận các tác phẩm. Văn học, tin tức và phương tiện truyền thông là những khía cạnh cơ bản của văn hóa. Nếu không được truy cập các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận, người khiếm thị hoặc khuyết tật khác có thể không được thực hiện quyền này. Bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các tác phẩm ở định dạng phù hợp, người không có khả năng đọc chữ in có thể không chỉ thưởng thức văn hóa mà còn đóng góp cho nền văn hóa đó, bởi vì các tác phẩm mới thường được phát triển dựa trên các tác phẩm đã có.
- **Quyền hưởng lợi từ những tiến bộ khoa học¹⁸:** Tương tự như quyền tham gia vào đời sống văn hóa, quyền được hưởng lợi từ những tiến bộ khoa học phụ thuộc vào việc tiếp cận các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận. Thông thường, các tiến bộ khoa học được thảo luận hoặc xuất bản dưới dạng bản in và chỉ có thể tiếp cận những thông tin này thì mới có thể nắm được những thông tin tiến bộ như vậy. Ngoài ra, do những tiến bộ trong công nghệ mà các tác phẩm có thể truy cập được công bố ở nhiều định dạng khác nhau, bao gồm cả hệ thống chữ nổi có thể làm mới và chuyển văn bản thành giọng nói trên máy đọc điện tử.
- **Quyền tiếp cận cơ hội giáo dục¹⁹:** Việc phụ thuộc vào các tài liệu bằng văn bản viết gây bất lợi cho người không có khả năng đọc chữ in trong việc thực hiện quyền này bởi vì trên thực tế chỉ có một phần nhỏ các tác phẩm được công bố ở định dạng dễ tiếp cận. Học sinh không có khả năng đọc chữ in có thể không đạt được cùng trình độ học vấn như các học sinh khác vì không có sự tiếp cận bình đẳng với tài liệu khóa học. Do đó, những học sinh này không được tham gia đầy đủ trong quá trình giáo dục.
- **Quyền tiếp cận cơ hội việc làm²⁰:** Nhiều cơ hội việc làm phụ thuộc vào khả năng tiếp cận tài liệu viết. Ví dụ, cơ hội việc làm có thể phụ thuộc vào quá trình chuẩn bị cho công việc: khả năng hoàn thành các chương trình đào tạo hoặc tham gia vào các chương trình giáo dục thường xuyên liên tục, mà trên thực tế quá trình này đòi hỏi phải sử dụng thông tin có trong văn bản. Hơn nữa, phải có khả năng đọc danh sách các công việc để biết công việc nào đang tuyển dụng, và đọc đơn xin việc để điền thông tin. Nếu không có quyền truy cập thông tin, người khuyết tật không thể thực hiện quyền bình đẳng trong cơ hội và việc làm.

Trong một báo cáo gần đây do Báo cáo viên Đặc biệt của LHQ trong lĩnh vực quyền văn hóa trình bày cho Hội đồng Nhân quyền vào tháng 3 năm 2015, Farida Shaheed đã nhận ra tầm quan trọng của các hạn chế và ngoại lệ về bản quyền đối với khung nhân quyền. Báo cáo cho biết: “Quyền của con người cũng đòi hỏi khả năng thực hiện đầy đủ các ngoại lệ và giới hạn bản quyền để thúc đẩy việc hòa nhập và tiếp cận các tác phẩm văn hóa, đặc biệt là đối với nhóm người thiệt thòi”²¹

Trong khi tiếp cận thông tin là một quyền quan trọng để có thể củng cố nhiều quyền cơ bản khác, nhưng người khuyết tật thường không thể tiếp cận được, dẫn đến các tác động nghiêm trọng đến phát triển con người. Một báo cáo năm 2011 của Tổ chức Y tế Thế giới phát hiện ra rằng “tỷ lệ hoàn thành giáo dục tiểu học thấp hơn và tổng số năm học trung bình ít hơn so với những người không bị khuyết tật.”²² Trong một nghiên cứu năm 2004, theo ước tính ở các nước đang phát triển là nơi cư trú của phần lớn người mù hoặc kém mắt, chỉ có 2% trẻ em không có khả

15 Xem ICCPR, Điều 18.1; ICCPR, Điều 19; CRC Điều 13.1; CRC Điều 14.1; CRC Điều 17; CRPD, Điều 21.

16 Xem CRC, Điều 23.1; CRPD, Điều 29; CRPD, Điều 9.

17 Xem ICESCR, Điều 15.1; CRC, Điều 31; CRPD, Điều 30.

18 Xem ICESCR, Điều 15.1.

19 Xem ICESCR, Điều 13; CRC, Điều 28.1; CRC, Điều 29.1; CRPD, Điều 24.

20 Xem ICESCR, Điều 6; ICESCR, Điều 1.1; CRPD, Điều 27.

21 Shaheed, Farida. UN Báo cáo viên đặc biệt trong lĩnh vực quyền văn hóa, *Chính sách bản quyền và quyền tiếp cận khoa học và văn hóa*, A/HRC/28/57 (24 tháng 12 năm 2014) ¶66.

22 WHO, *Báo cáo thế giới về người khuyết tật* (2011) hình 7.1, có tại http://whqlibdoc.who.int/publications/2011/9789240685215_eng.pdf?ua=1

năng đọc chữ in được tiếp nhận giáo dục và không quá 5% tìm được việc làm.²³ Kết quả là, đói nghèo và khiếm thị liên kết chặt chẽ với nhau. Như Hiệp hội người mù thế giới đã chỉ ra rằng:

Đói nghèo vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả của khiếm thị. Đói nghèo và khiếm thị ảnh hưởng lẫn nhau, làm tăng tính dễ bị tổn thương và cách ly xã hội. Đa số người khiếm thị cảm thấy rằng tình trạng của họ ảnh hưởng tiêu cực đến cơ hội đi học, có việc làm, và tận hưởng cuộc sống gia đình và xã hội. Thái độ của những người trong xã hội và thiếu cơ hội chính là những yếu tố quyết định.²⁴

Người mù hoặc kém mắt, giống như những người khuyết tật khác, đặc biệt gặp rủi ro trong các tình huống thiên tai và xung đột vì thiếu sự chuẩn bị, lập kế hoạch, tiếp cận thông tin và tiếp cận các dịch vụ cứu hộ.²⁵

Tổ chức Y tế Thế giới đã lưu ý rằng, “tài liệu giáo dục về thiên tai, cảnh báo sớm và thông cáo báo chí khi gặp khủng hoảng thường không được trình bày ở các định dạng mà người khuyết tật có thể tiếp cận, ví dụ như những người khiếm thị hoặc khiếm thính” và không được tiếp cận một số “chính sách và thực tiễn quản lý thiên tai có thể dẫn đến việc cách ly người khuyết tật và người cao tuổi khỏi xã hội nếu không có những nỗ lực cụ thể trong việc hòa nhập họ vào cộng đồng.”²⁶ Thiếu tiếp cận thông tin kéo dài chu kỳ đói nghèo và khiến cho người khuyết tật không thể tiến bộ và thực hiện quyền phát triển.

1.3 Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật

Ngoài việc đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các quyền ở trên, quyền tiếp cận các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận là một nghĩa vụ cụ thể theo Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật. Cụ thể, nó đòi hỏi các bên đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ không tạo ra rào cản bất hợp lý nào cho việc tiếp cận thông tin.

CRPD cung cấp các nghĩa vụ cụ thể trong việc thúc đẩy những quyền này cho người không có khả năng đọc chữ in. CRPD đã thu thập được 82 chữ ký ngay khi bắt đầu vào ngày 30 tháng 3 năm 2007. Điều này chứng tỏ rằng công ước này nhận được sự ủng hộ với số lượng chữ ký thu thập được lớn nhất ngay vào ngày công bố. Công ước này có hiệu lực vào ngày 3 tháng 5 năm 2008. Số lượng chữ ký cao và việc phê chuẩn nhanh chóng nhấn mạnh rằng cộng đồng quốc tế ngày càng công nhận tầm quan trọng của việc thừa nhận và thúc đẩy quyền của người khuyết tật. Việt Nam đã phê chuẩn CRPD vào năm 2015.

Ngoài ra, CRPD hỗ trợ việc tạo và phân phối các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận cho những người không có khả năng đọc chữ in bằng cách thẳng thắn thừa nhận các rào cản về sở hữu trí tuệ. Ví dụ, Điều 21 quy định:

Các Quốc gia thành viên của Công ước này cam kết thực hiện tất cả các biện pháp phù hợp để đảm bảo rằng người khuyết tật có thể thực hiện quyền tự do bày tỏ ý kiến và tự do ngôn luận kể cả quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin và quan điểm trên cơ sở bình đẳng như những người khác và bằng nhiều hình thức truyền thông do họ lựa chọn, như đã được ghi trong Điều 2 của Công ước này, bao gồm:

- a. cung cấp thông tin hướng dẫn đại chúng cho người khuyết tật dưới hình thức và công nghệ tiếp cận phù hợp với nhiều dạng tật khác nhau vào đúng thời điểm mà không có chi phí phát sinh;
- b. thừa nhận và hỗ trợ việc sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, chữ nổi Braille, các hình thức truyền thông thay thế, và tất cả các cách thức, các kiểu và các loại hình có thể sử dụng được của truyền thông tiếp cận khác do người khuyết tật tự lựa chọn trong quá trình giao tiếp chính thức...²⁷

Điều 30.3 quy định cụ thể các rào cản về sở hữu trí tuệ và yêu cầu các bên có nghĩa vụ:

thực hiện tất cả các biện pháp phù hợp, theo luật pháp quốc tế, để đảm bảo rằng luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ không gây ra những rào cản bất hợp lý hoặc mang tính phân biệt đối xử đối với khả năng tiếp cận của người khuyết tật tới các tài liệu văn hoá.²⁸

23 Rowland, William. *Khiếm thị, đói nghèo và phát triển*, Hiệp hội người mù thế giới (tháng 12 năm 2004).

24 Ibid.

25 Xem vd: LHQ, *Giảm thiểu rủi ro thiên tai tổng thể cho người khuyết tật và các tình huống rủi ro* (13/10/2014), <http://www.un.org/disabilities/default.asp?id=1546>.

26 WHO, *Trang tin ứng phó rủi ro thiên tai, ứng phó rủi ro cho sức khỏe: Người khuyết tật và người cao tuổi*, nền tảng WHO trên toàn cầu (tháng 5 năm 2011), http://www.who.int/hac/events/drm_fact_sheet_disabilities.pdf.

27 Hiến chương về quyền của những người khuyết tật, G.A. Res. 61/106, 76th plen. mtg., U.N. Doc A/RES/61/106 (13/12/2006) [sau đây gọi là CRPD], Điều 21.

28 Ibid., Điều 30.3

Giống như các công cụ nhân quyền khác, CRPD công nhận tầm quan trọng của hợp tác quốc tế.²⁹

CRPD cũng đưa ra một nghị định thư tùy chọn, công nhận thẩm quyền của Ủy ban về Quyền của Người khuyết tật, đồng thời tạo ra cơ chế khiếu nại cá nhân đối với những trường hợp vi phạm Công ước.

1.4. Quyền của Người khuyết tật khu vực châu Á-Thái Bình Dương: Thập kỷ của Người khuyết tật và Chiến lược Incheon

Vào tháng 11 năm 2012, các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã đưa ra một chiến lược khu vực thực hiện trong mười năm mang tên “Thập kỷ của Người khuyết tật giai đoạn 2013-2022” để thúc đẩy người khuyết tật hòa nhập xã hội. Với việc thực hiện Chiến lược Thập kỷ của Người khuyết tật, các quốc gia trong khu vực “hướng tới... đẩy nhanh việc thực hiện quyền của 650 triệu người khuyết tật trong khu vực, phần lớn trong số họ là người nghèo, hoàn cảnh khó khăn và bị phân biệt đối xử.”³⁰

Ngay sau khi tuyên bố chiến lược này, các chính phủ đã thông qua một khuôn khổ cụ thể nhằm thúc đẩy quyền của người khuyết tật. Được biết đến là Chiến lược Incheon nhằm “Hiện thực hóa quyền” của người khuyết tật khu vực châu Á-Thái Bình Dương, khuôn khổ này dựa trên các nguyên tắc trong Công ước CRPD, ví dụ, tôn trọng giá trị nhân phẩm vốn có, tự chủ cá nhân, không phân biệt đối xử, tham gia, hòa nhập đầy đủ và hiệu quả trong xã hội, bình đẳng trong cơ hội và khả năng tiếp cận.³¹

Chiến lược Incheon có 10 mục đích, 27 mục tiêu và 62 chỉ tiêu cùng với mục tiêu đạt được ứng với từng mục đích vào năm 2022.³² Một số mục đích liên quan nhiều đến việc đảm bảo những người không có khả năng đọc chữ in có quyền tiếp cận các tác phẩm có định dạng dễ tiếp cận:

- Mục đích 1: Giảm đói nghèo, tăng cường công việc và triển vọng việc làm.
- Mục đích 2: Thúc đẩy sự tham gia vào tiến trình chính trị và việc ra quyết định.
- Mục đích 3: Tăng cường tiếp cận với môi trường cơ học, giao thông công cộng, kiến trúc, thông tin và truyền thông.
- Mục đích 5: Mở rộng can thiệp sớm và giáo dục cho trẻ khuyết tật.
- Mục đích 9: Đẩy nhanh việc phê chuẩn và thực hiện Công ước về quyền của người khuyết tật và hài hòa luật pháp quốc gia với Công ước.
- Mục đích 10: Tăng cường hợp tác tiểu vùng, vùng và liên vùng.³³

Như đã trình bày ở trên, cơ hội việc làm, tham gia vào tiến trình chính trị, tiếp cận tri thức và truyền thông, và giáo dục là tất cả các quyền quan trọng phụ thuộc vào tính sẵn có của các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận đối với người không có khả năng đọc chữ in.

Để đạt được những mục đích này và hiện thực hóa quyền của người khuyết tật, Chiến lược Incheon kêu gọi chính phủ, ví dụ, áp dụng và thực hiện các biện pháp lập pháp, hành chính và đảm bảo “người khuyết tật có quyền tiếp cận và sử dụng được... kiến trúc, thông tin và truyền thông thông qua thiết kế mang tính toàn cầu và công nghệ hỗ trợ có sự điều chỉnh hợp lý.”³⁴

Việc phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh sẽ hỗ trợ các mục đích của Chiến lược Incheon. Trong năm 2014, Hiệp hội người mù khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (WBUAP) đã ban hành Tuyên bố Hong Kong, “kêu gọi các chính phủ khu vực Châu Á-Thái Bình Dương phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh sớm nhất có thể để những người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in có toàn quyền tiếp cận các tác phẩm văn học, văn hóa và tài liệu giáo dục.”³⁵

29 Ibid., Điều 32.

30 Ủy ban Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, các chính phủ châu Á-Thái Bình Dương khởi động Thập kỷ mới về phát triển tổng thể cho người khuyết tật/G/58/12, (1/11/2012), có tại đường link <http://www.unescap.org/news/asia-pacific-governments-launch-new-decade-disability-inclusive-development>

31 Chiến lược Incheon, trang 15.

32 Ibid., trang 8–9.

33 Ibid.

34 Ibid., trang 7.

35 Hiệp hội người mù khu vực Châu Á-TBD (WBUAP), Tuyên bố Hong Kong (24/10/2014), có tại <http://www.wbuapga2014.org/upload/editor/WBUAP%20Hong%20Kong%20Statement.pdf>.



Chương

2

Hiệp ước Marrakesh

Những điểm chính:

- Những người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in phải đối mặt với tình trạng thiếu khả năng truy cập các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận nghiêm trọng. Tình trạng này được gọi là “nạn đói sách”. Theo ước tính, dưới 10% số sách đã xuất bản được chuyển sang định dạng dễ tiếp cận. Những định dạng này có thể ở nhiều dạng khác nhau, bao gồm hệ thống chữ nổi, âm thanh hoặc công nghệ chuyển văn bản thành giọng nói cho các tác phẩm có sẵn dưới dạng điện tử. Ở các nước thu nhập thấp, tỷ lệ này thậm chí còn thấp hơn.
- Sau các cuộc đàm phán sâu rộng tại Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới, cuối cùng, cộng đồng quốc tế đã thông qua Hiệp ước Marrakesh tạo điều kiện tiếp cận các tác phẩm đã công bố cho người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in (được gọi là “Hiệp ước Marrakesh” hoặc “Hiệp ước”) vào tháng 6 năm 2013,³⁶ và có hiệu lực vào tháng 9 năm 2016.
- Hiệp ước Marrakesh yêu cầu các Bên ký kết (tức là, các quốc gia đã phê chuẩn hoặc tham gia) áp dụng các ngoại lệ về bản quyền, cho phép tạo và phân phối bản sao dễ tiếp cận của các tác phẩm, bao gồm cả trao đổi qua biên giới. Các lợi ích chính của Hiệp ước được thể hiện thông qua các điều khoản trong một số điều kiện cụ thể, hạn chế và ngoại lệ cho phép: 1) tạo các bản sao dễ tiếp cận; 2) phân phối các bản sao dễ tiếp cận trong nước; 3) xuất khẩu các bản sao dễ tiếp cận (bao gồm truyền dẫn kỹ thuật số); và 4) nhập khẩu các bản sao dễ tiếp cận (bao gồm tải kỹ thuật số).
- Các ngoại lệ cho phép tạo và phân phối các bản sao dễ tiếp cận mà không cần sự đồng ý của chủ sở hữu bản quyền. Điều này sẽ tạo điều kiện cho nhiều tác phẩm được sản xuất ở định dạng dễ tiếp cận. Quan trọng hơn, hiệp ước Marrakesh hỗ trợ giải quyết nạn đói sách bằng cách giảm bớt tình trạng thiếu các tác phẩm công bố trong nước, đồng thời tiết kiệm tài nguyên, tránh trùng lặp, thông qua việc trao đổi qua biên giới, với điều kiện là các nước phê chuẩn và thực thi các điều khoản của Hiệp ước. Các quốc gia có lượng tác phẩm thấp hơn có thể được hưởng lợi rất lớn từ nguồn tác phẩm hiện có và đang ngày càng tăng lên ở các quốc gia khác, đặc biệt là ở những quốc gia sử dụng ngôn ngữ chung. Bởi vì nhà xuất bản thường không bán bản sao dễ tiếp cận ở những quốc gia đang phát triển nên nhà xuất bản sẽ không mất doanh thu do hoạt động của Hiệp ước.
- Trong việc quy định giới hạn hoặc ngoại lệ cho phép tạo ra bản sao dễ tiếp cận, Hiệp ước Marrakesh không yêu cầu các Bên ký kết hạn chế ngoại lệ đối với các trường hợp không có định dạng dễ tiếp cận thương mại. Ngoài ra, Hiệp ước Marrakesh yêu cầu các Bên ký kết chấp nhận điều khoản ngoại lệ đối với việc ngăn chặn phá dỡ, cho phép tạo bản sao dễ tiếp cận hoặc đảm bảo khả năng phá dỡ biện pháp bảo vệ công nghệ thông qua các cơ chế khác.
- Hiệp ước Marrakesh không yêu cầu các mục tiêu này phải đạt được như thế nào; thay vào đó, nó cung cấp cho các Bên ký kết sự linh hoạt trong việc thực hiện các điều khoản này. Tính linh hoạt này cho phép mỗi

36 Hiệp ước Marrakesh để tạo điều kiện tiếp cận với các tác phẩm đã xuất bản cho những người bị mù, kém mắt, hoặc không có khả năng đọc chữ in, được thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2013, WIPO Doc. VIP/DC/8 Rev.

quốc gia điều chỉnh các giới hạn và ngoại lệ phù hợp với môi trường của từng nước, ví dụ như các truyền thống pháp lý và hỗ trợ riêng cho những người không có khả năng đọc chữ in. Mặc dù việc sao chép hoàn toàn các hạn chế và ngoại lệ chi tiết và mạnh mẽ của Hiệp ước Marrakesh có thể phù hợp trong một số trường hợp, nhưng dựa theo bối cảnh pháp luật, nhiều quốc gia có thể đơn giản hóa các hạn chế và ngoại lệ cho đầy đủ và thích hợp.

2.1 Cơ sở nền tảng: Giải quyết nạn đói sách

Để thúc đẩy tiếp cận kiến thức và bảo vệ các quyền cơ bản của con người được thảo luận ở trên, cần phải giải quyết vấn đề rào cản đối với việc sản xuất các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận. Có thể có nhiều định dạng dễ tiếp cận, như chữ nổi, công nghệ chuyển văn bản thành giọng nói cho các tác phẩm đã có định dạng điện tử. Mặc dù người không có khả năng đọc chữ in rất cần nhưng chỉ rất ít sách đã được sản xuất ở các định dạng trên- ước tính dưới 10%.³⁷Tỷ lệ này thậm chí còn thấp hơn ở những nước có thu nhập thấp, gây ra “nạn đói sách”. Người không có khả năng đọc chữ in ở những nước này cũng không thể tiếp cận đối với phần lớn các tác phẩm.³⁸

Đối với những tác phẩm được phân phối điện tử, có thể áp dụng các biện pháp bảo vệ bằng công nghệ nhằm ngăn chặn thực hiện chức năng chuyển văn bản thành giọng nói trên máy đọc điện tử.

Việc thiếu các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận chủ yếu là yếu tố thị trường. Nhà xuất bản không sẵn sàng chịu thêm chi phí tạo bản sao để tiếp cận cho một số ít người không có khả năng đọc chữ in và lại có thu nhập thấp.

Trong khi đó luật bản quyền lại chính là rào cản đối với các tổ chức muốn đáp ứng nhu cầu của người không có khả năng đọc chữ in. Một khi các tác phẩm đã được bảo vệ bản quyền, những tổ chức này không thể chuyển văn bản thành định dạng dễ tiếp cận, trừ khi họ nhận được sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền (thường là nhà xuất bản) hoặc luật bản quyền ở quốc gia đó có quy định ngoại lệ cho phép tạo các bản sao để tiếp cận.³⁹

Ngay cả ở các quốc gia có giới hạn và ngoại lệ cho phép các tổ chức tạo và phân phối bản sao để tiếp cận, chỉ một số ít các tác phẩm hiện có được chuyển thành định dạng dễ tiếp cận do chi phí sản xuất cao. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, Liên đoàn Người mù Quốc gia ước tính rằng không quá 5% các tác phẩm đã xuất bản được chuyển thành định dạng phù hợp với người mù và người không có khả năng đọc chữ in.⁴⁰

Hơn nữa, ngay cả khi một tác phẩm xuất bản ở định dạng dễ tiếp cận nào đó, thì không có nghĩa là định dạng đó đúng với nhu cầu của người không có khả năng đọc chữ in. Ví dụ, một tác phẩm có thể ở định dạng âm thanh, nhưng người mù - điếc lại cần ở dạng chữ nổi.

Ngoài ra, một tác phẩm có thể đã được chuyển văn bản thành giọng nói trên một máy đọc điện tử, nhưng trình đọc đó có thể thiếu các tính năng tiếp cận nói chung. Hoặc một người có thể sở hữu một máy đọc điện tử nhưng lại không thể truy cập tác phẩm vì các tệp không tương thích giữa các máy đọc.

Do việc tạo các bản sao để tiếp cận đòi hỏi thời gian, công sức và chi phí, nên việc tạo và phân phối các bản sao như vậy nên được thực hiện hiệu quả nhất có thể để tối đa hóa số lượng các tác phẩm có thể truy cập. Tuy nhiên, các quốc gia có ngôn ngữ chung thường không chia sẻ các định dạng dễ tiếp cận hiện có.

Một lần nữa, luật bản quyền thật sự là một trở ngại. Ngay cả khi luật bản quyền ở hai quốc gia có quy định ngoại lệ cho phép tạo bản sao để tiếp cận- ví dụ: các bản sao đã được tạo ở Úc và Vương quốc Anh - thì những bản sao đó lại không được phép xuất hoặc nhập khẩu qua hai quốc gia. Vì vậy, chi phí tạo bản sao để tiếp cận lại phát sinh ở quốc gia chưa có bản sao đáp ứng mong muốn của người không có khả năng đọc chữ in. Do đó, việc chia sẻ qua biên giới sẽ tăng hiệu quả và cho phép các nước đang phát triển được hưởng lợi từ nguồn sách sẵn có ở các nước khác để cải thiện tỷ lệ thấp các tác phẩm có thể truy cập trên toàn quốc.

37 Xem: Hiệp hội người mù thế giới. Hàng triệu người bị từ chối tiếp cận sách và tài liệu in - *Thông cáo báo chí cho Ngày Sách và Bản quyền* (23/4/2016), có tại <http://www.worldblindunion.org/English/news/Pages/Millions-of-People-are-Denied-Access-to-.aspx>.

38 Xem vd: LaBarrem, Scott C., “Biết chữ không biên giới: Con đường tới Hiệp ước Marrakesh”, *Braille Monitor* (Tháng 8/2014), có tại <https://nfb.org/images/nfb/publications/bm/bm13/bm1308/bm130811.htm>.

39 Xem vd: Shaheed, Farida. *Chính sách bản quyền và quyền tiếp cận kiến thức khoa học và xã hội*. (xem chú thích 27) ¶167 (“Những người ủng hộ người khuyết tật từ lâu đã bày tỏ lo ngại rằng luật bản quyền có thể cản trở việc chuyển tác phẩm thành định dạng phù hợp cho người khuyết tật khi chủ sở hữu bản quyền không xuất bản tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận, chẳng hạn như chữ nổi hoặc cho phép người khác làm như vậy.”)

40 Hiệp hội Người mù Quốc gia, *Trang tin Marrakesh* (2015), <https://nfb.org/books-without-borders>.

Nạn đói sách, một minh chứng cho thất bại về mặt thị trường có thể được khắc phục bằng cách quy định những giới hạn và ngoại lệ đối với bản quyền, cho phép tạo và phân phối (bao gồm qua biên giới) các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận cho người không có khả năng đọc chữ in. Tuy nhiên, một nghiên cứu của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2007 đã phát hiện rằng cho đến nay chỉ có khoảng 1/3 các quốc gia quy định ngoại lệ về bản quyền quốc gia, phần lớn là ở các nước phát triển.⁴¹

Do 2/3 quốc gia không có ngoại lệ bản quyền cho người không có khả năng đọc chữ in, nhiều người cho rằng cách hiệu quả nhất để thúc đẩy áp dụng các ngoại lệ ở tất cả các quốc gia, từ đó chấm dứt nạn đói sách là chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế về những ngoại lệ tối thiểu đối với bản quyền, cho phép tạo và phân phối các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận và tạo điều kiện chia sẻ giữa các quốc gia. Năm 2011, Frank LaRue, Báo cáo viên Đặc biệt về Quyền Tự do bày tỏ ý kiến và Tự do ngôn luận kêu gọi các nước thành viên WIPO đồng ý với một hiệp định ràng buộc dành cho người khuyết tật:

Thời đại kỹ thuật số mà chúng ta đang sống cung cấp công nghệ cho phép người mù, người kém mắt và người không có khả năng đọc chữ in trên toàn thế giới tiếp nhận và truyền đạt thông tin xuyên biên giới, và từ đó được hưởng quyền con người một cách đầy đủ.

Đây sẽ là một sự phát triển mạnh mẽ. Lần đầu tiên trong lịch sử, người không có khả năng đọc chữ in được trao quyền tiếp cận thông tin trên cơ sở bình đẳng với những người khác. Tuy nhiên, thực tế thì khác hẳn. Người mù và người kém mắt đang đối mặt với “nạn đói sách”, trong đó phần lớn các cuốn sách chưa bao giờ được chuyển thành các định dạng dễ tiếp cận như chữ nổi, âm thanh hoặc bản in chữ lớn.⁴²

Cuối cùng, sau các cuộc đàm phán sâu rộng tại Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới, cộng đồng quốc tế đã thông qua Hiệp ước Marrakesh để tạo điều kiện tiếp cận các tác phẩm đã xuất bản cho người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in.⁴³ Hiệp ước cân đối các giới hạn và ngoại lệ đối với người không có khả năng đọc chữ in, yêu cầu các thành viên tham gia Hiệp ước đưa ra mức ngoại lệ tối thiểu cho phép tạo và phân phối các bản sao dễ tiếp cận.

Các quốc gia bắt đầu ký kết Hiệp ước Marrakesh vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo số liệu được ghi lại trong buổi lễ ký kết của WIPO, có 51 quốc gia đã đồng ý ký kết.⁴⁴ Điều này báo hiệu sự cam kết của cộng đồng quốc tế trong việc khắc phục nạn đói sách và thúc đẩy quyền cho người không có khả năng đọc chữ in. Hiệp ước Marrakesh chính thức có hiệu lực từ ngày 30 tháng 9 năm 2016. Tính đến tháng 10 năm 2018, có 45 Bên ký kết Hiệp ước, bao gồm 70 quốc gia, nhưng chỉ có 7 quốc gia tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương ký kết (gồm có Úc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Ấn Độ, Mông Cổ, Hàn Quốc, Singapore và Sri Lanka). Tiếp tục thúc đẩy các quốc gia khác trên toàn thế giới phê chuẩn và tham gia Hiệp ước đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc giải quyết các rào cản đối với các định dạng dễ tiếp cận.

Báo cáo viên đặc biệt của LHQ trong lĩnh vực quyền văn hóa khuyến nghị “phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh ... và đảm bảo rằng luật bản quyền ở các quốc gia quy định đầy đủ ngoại lệ để tạo điều kiện cho việc sản xuất các định dạng dễ tiếp cận dành cho người khiếm thị và những người khuyết tật khác, chẳng hạn như người khiếm thính.”⁴⁵

2.2 Các điều khoản chính và lợi ích mong đợi

Hiệp ước Marrakesh yêu cầu các Bên ký kết (tức là, các quốc gia đã phê chuẩn hoặc tham gia) áp dụng các ngoại lệ về bản quyền, cho phép tạo và phân phối bản sao dễ tiếp cận của các tác phẩm, bao gồm cả trao đổi qua biên giới. Các lợi ích chính của Hiệp ước là kết quả thực hiện các điều khoản trong Hiệp ước này. Trong một số điều kiện cụ thể, hạn chế và ngoại lệ cho phép:

- 1) tạo các bản sao dễ tiếp cận;
- 2) phân phối các bản sao dễ tiếp cận trong nước;

41 Sullivan, Judith. Ủy ban Thường vụ WIPO về Bản quyền và Nghiên cứu Quyền Liên quan về Giới hạn Bản quyền và Ngoại lệ đối với Người khiếm thị, SCCR/15/7 (20/2/2007).

42 LaRue, Frank. Ủy ban Thường vụ WIPO về Bản quyền và Tuyên bố Quyền liên quan từ Báo cáo viên Đặc biệt Liên Hợp Quốc về việc thúc đẩy và bảo vệ quyền tự do bày tỏ ý kiến và bày tỏ quan điểm (16 tháng 11 năm 2011), có tại <http://tacd-ip.org/archives/480>.

43 Hiệp ước Marrakesh (xem chú thích 42)

44 Balasubramaniam, Thiru. 28/6/2013: 51 quốc gia ký Hiệp ước Marrakesh, Hệ sinh thái kiến thức quốc tế. 28/6/2013. <http://keionline.org/node/1769> (truy cập lần cuối 2/7/2013)

45 Shaheed, Farida. Báo cáo đặc biệt của LHQ về quyền văn hóa, Chính sách bản quyền và quyền tiếp cận kiến thức khoa học và văn hóa, A/HRC/28/57 (24/12/2014) ¶116.

- 3) xuất khẩu các bản sao dễ tiếp cận (bao gồm truyền dẫn kỹ thuật số); và
- 4) nhập khẩu các bản sao dễ tiếp cận (bao gồm tải kỹ thuật số).

Điều quan trọng là Hiệp ước Marrakesh không yêu cầu các mục tiêu này phải đạt được như thế nào; thay vào đó, Hiệp ước cho phép các Bên ký kết linh hoạt tuyệt đối trong việc thực hiện các nghĩa vụ này. Như Điều 10(3) quy định, “Các Bên ký kết có thể thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo hiệp ước này thông qua các hạn chế hoặc ngoại lệ đặc biệt vì lợi ích của người thụ hưởng, các hạn chế hoặc ngoại lệ khác, hoặc kết hợp ...”⁴⁶Theo đó, quy định này tạo điều kiện cho các Bên ký kết tự điều chỉnh các giới hạn và ngoại lệ phù hợp với tình hình trong nước, ví dụ như các truyền thống pháp lý và hỗ trợ riêng cho người không có khả năng đọc chữ in.

2.2.1 Thuật ngữ

Cũng như bất kỳ công cụ pháp lý nào, để hiểu phạm vi của Hiệp ước, việc hiểu thuật ngữ của Hiệp ước Marrakesh rất quan trọng. Thuật ngữ cơ bản nhất là **“người thụ hưởng”**, là đối tượng hưởng lợi của Hiệp ước.

Điều 3 quy định người thụ hưởng là: a) người mù; b) “người kém mắt hoặc khuyết tật về khả năng nhận thức hoặc đọc mà không thể cải thiện chức năng thị giác cơ bản tương đương như của một người không có suy giảm hoặc khuyết tật và do đó không thể đọc các tác phẩm in”; hoặc c) “người vì bất kỳ một khuyết tật thể chất nào khác không thể cầm nắm hoặc thao tác một cuốn sách, hay tập trung hoặc di chuyển mắt đến mức độ bình thường mà mắt có thể đọc được.”

Vì vậy, phạm vi của người thụ hưởng rộng hơn nhiều, không chỉ cho người mù hoặc người kém mắt. Chú giải 3 giải thích thêm rằng cụm từ “khiếm thị hoặc khuyết tật ... không thể cải thiện” trong Điều 3(b) không yêu cầu “sử dụng tất cả các quy trình và phương pháp chẩn đoán điều trị có thể có”. Ví dụ, nếu bất kỳ khiếm khuyết về thị giác nào mà không thể cải thiện bằng cách sử dụng thấu kính hiệu chỉnh thì người đó sẽ trong phạm vi người thụ hưởng.

Hiệp ước xác định loại tác phẩm áp dụng. Theo mục đích của Hiệp ước, **“tác phẩm”** có nghĩa là các tác phẩm văn học và nghệ thuật được thể hiện bằng văn bản, ký hiệu và/ hoặc hình minh họa có liên quan, bất kể đã được công bố hoặc công khai đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào. Chú thích 1 của Hiệp ước bổ sung thêm rằng định nghĩa bao gồm các tác phẩm như vậy ở dạng âm thanh, chẳng hạn như sách nói. Đáng chú ý hơn, mặc dù các tác phẩm nghe nhìn, như là phim không nằm trong định nghĩa này, nhưng định nghĩa này bao gồm những văn bản được nhúng trong các tác phẩm nghe nhìn (chẳng hạn như các DVD giáo dục đa phương tiện).

Tiếp theo, Hiệp ước đưa ra định nghĩa những định dạng mà các tác phẩm này có thể được chuyển đổi thành. **“Bản sao ở định dạng dễ tiếp cận”**⁴⁷ là bản sao của một tác phẩm ở định dạng “cho phép người thụ hưởng có thể tiếp cận tác phẩm, bao gồm cho phép người đó tiếp cận dễ dàng và thoải mái như một người không bị khiếm thị hoặc người không bị mất khả năng đọc chữ in.” Hiệp ước giải thích thêm rằng bản sao dễ tiếp cận là bản sao “được người không có khả năng đọc chữ in sử dụng độc quyền và phải tôn trọng tính toàn vẹn của tác phẩm gốc, cần cân nhắc cẩn thận những thay đổi cần thiết để tác phẩm có thể truy cập được ...”⁴⁸

Từ ngữ sử dụng trong Hiệp ước Marrakesh đã nêu rõ bản sao dễ tiếp cận có nghĩa là gì, tránh gây hiểu lầm trong quá trình sử dụng. Bản sao dễ tiếp cận là một định dạng *chỉ được sử dụng* cho người không có khả năng đọc chữ in; “người thụ hưởng sử dụng độc quyền bản sao dễ tiếp cận” quy định cụ thể người thực sự được quyền sử dụng bản sao, không phải ai cũng được sử dụng. Về khía cạnh này, câu thứ hai trong Điều 2(b) không phải nêu định nghĩa bản sao dễ tiếp cận, mà là hạn chế đối tượng được phép sử dụng bản sao theo Hiệp ước. Nghĩa là, Hiệp ước cho phép Bên ký kết hạn chế đối tượng thụ hưởng hoặc cấm chỉnh sửa hoặc cắt bỏ vượt quá quy định khi tạo bản sao dễ tiếp cận, từ đó đảm bảo quyền và lợi ích của tác giả.

Cuối cùng, Hiệp ước định nghĩa tổ chức sẽ tạo và phân phối các bản sao dễ tiếp cận là **“tổ chức được ủy quyền”**. Tổ chức được ủy quyền là “tổ chức được chính phủ cho phép hoặc công nhận chịu trách nhiệm cung cấp hoạt động giáo dục, đào tạo, giảng dạy, đọc hoặc truy cập thông tin cho người thụ hưởng trên cơ sở phi lợi nhuận.”⁴⁹Theo định nghĩa này, tổ chức lợi nhuận cung cấp hoạt động giáo dục hoặc truy cập thông tin cho người thụ hưởng được phép sử dụng các ngoại lệ theo Hiệp ước Marrakesh, với điều kiện hoạt động trên cơ sở phi lợi nhuận. Chú thích 2 nêu

46 Hiệp ước Marrakesh (xem chú thích 42), Điều 10(3).

47 Bản sao dễ tiếp cận có thể có nhiều dạng khác nhau, nhưng không giới hạn ở định dạng DAISY, chữ nổi, âm thanh (chẳng hạn như đọc trên băng cassette, CD hoặc định dạng kỹ thuật số) hoặc chuyển văn bản thành giọng nói trên máy đọc điện tử.

48 Ibid.

49 Ibid., Điều 2(c).

rõ “các tổ chức được chính phủ công nhận” có thể bao gồm các tổ chức nhận hỗ trợ tài chính từ chính phủ phục vụ mục đích cung cấp dịch vụ cho người thụ hưởng.

Thêm vào đó, Điều 2(c) quy định rằng tổ chức được ủy quyền “cũng bao gồm tổ chức chính phủ hoặc tổ chức phi lợi nhuận cung cấp các dịch vụ tương tự cho những người thụ hưởng như là một trong những hoạt động chính hoặc nghĩa vụ cơ bản của tổ chức đó”, thậm chí ngay cả khi tổ chức không được chính phủ ủy quyền hoặc công nhận cung cấp dịch vụ đó. Ví dụ, một cơ quan chuyên ngành cung cấp dịch vụ cho người mù hay một thư viện cung cấp dịch vụ cộng đồng nói chung có chương trình thể chế thúc đẩy khả năng tiếp cận sẽ được coi là tổ chức được ủy quyền.⁵⁰

2.2.2 Tạo bản sao dễ tiếp cận

Hiệp ước Marrakesh yêu cầu quy định ngoại lệ cho phép tạo các bản sao dễ tiếp cận cho người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in. Điều này có nghĩa là không cần sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền. Hiệp ước Marrakesh không yêu cầu quy định giới hạn trong các trường hợp không có định dạng dễ tiếp cận dưới hình thức thương mại.

Điều 4(1) của Hiệp ước Marrakesh yêu cầu các Bên ký kết phải quy định ngoại lệ về quyền tái sản xuất “để tạo điều kiện cho người thụ hưởng tiếp cận các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận” trong luật quốc gia.⁵¹ Cho phép tạo tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận mà không cần chủ sở hữu bản quyền cho phép sẽ thúc đẩy sự đa dạng các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận với số lượng lớn cho người không có khả năng đọc chữ in.

Các Bên ký kết được quyền linh hoạt trong cách họ thực hiện nghĩa vụ này. Điều 4(2) quy định Bên ký kết có thể tuân thủ Điều 4(1), nhưng Điều 4(3) cho phép Bên ký kết “có thể thực hiện Điều 4(1) bằng cách bổ sung thêm điều khoản về hạn chế hoặc ngoại lệ vào bộ luật trong nước.”⁵² Vì vậy, một quốc gia có thể sử dụng Điều 4(2) làm khung tham chiếu soạn thảo pháp luật, hoặc có thể chọn ngôn ngữ khác phù hợp hơn với truyền thống và bối cảnh pháp luật của nước sở tại.

Việc tuân thủ Điều 4(2) gồm hai điều khoản phụ. Thứ nhất, phù hợp với Điều 4(2)(a), tổ chức được ủy quyền sẽ được phép tạo bản sao dễ tiếp cận hoặc lấy bản sao dễ tiếp cận từ một tổ chức được ủy quyền khác và cung cấp bản sao cho người thụ hưởng dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm cho mượn không phục vụ mục đích thương mại hoặc thông qua phương thức điện tử.⁵³ Thứ hai, phù hợp với Điều 4(2)(b), người thụ hưởng hoặc người đại diện cho họ có thể tạo bản sao dễ tiếp cận phục vụ mục đích sử dụng của người thụ hưởng.⁵⁴

Ngoài việc yêu cầu đưa ra quy định các giới hạn hoặc ngoại lệ cho phép tạo các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận, Hiệp ước Marrakesh không yêu cầu các Bên ký kết hạn chế ngoại lệ đối với các trường hợp không có định dạng dễ tiếp cận dưới hình thức thương mại.⁵⁵ Trên thực tế, có khá nhiều những trường hợp này. Thậm chí nếu có định dạng dễ tiếp cận dưới hình thức thương mại, thì định dạng đó có thể không phù hợp với nhu cầu của một cá nhân cụ thể. Ngoài ra, nếu một tác phẩm có thể truy cập trên một máy đọc điện tử nào đó, không có nghĩa là tệp file đó có thể

50 Điều 2 (c) quy định rằng một tổ chức được ủy quyền “thiết lập và tuân theo thực tế riêng của mình” để xác định rằng những người mà họ đang phục vụ là người thụ hưởng; để hạn chế phân phối các bản sao dễ tiếp cận cho người thụ hưởng hoặc tổ chức được ủy quyền; để ngăn cản việc sao chép và phân phối trái phép các bản sao; duy trì việc giám sát đúng mức, và ghi chép về việc xử lý các bản sao tác phẩm. Quy định này liên quan đến việc thiết lập thực tế dường như không phải là một phần của định nghĩa “tổ chức được ủy quyền”, nhưng đúng hơn như một tuyên bố mô tả: các tổ chức được ủy quyền thường thiết lập và tuân theo thực tế này. Quan trọng hơn, tổ chức được ủy quyền thiết lập các thực tế riêng của mình; Hiệp ước không xem xét các quy tắc được chính phủ ban hành.

51 Hiệp ước Marrakesh (xem chú thích 42), Điều 4(1).

52 Ibid., Điều 4(3).

53 Bốn điều kiện sẽ áp dụng cho hoạt động này: (i) tổ chức được ủy quyền là chủ của bản sao dễ tiếp cận hợp pháp vào tác phẩm; (ii) tác phẩm được chuyển thành bản sao dễ tiếp cận, bao gồm mọi công cụ cần thiết để điều hướng thông tin trong bản sao, nhưng không giới thiệu các thay đổi khác ngoài những thay đổi cần thiết để làm cho tác phẩm có thể truy cập; (iii) bản sao dễ tiếp cận được cung cấp độc quyền để người thụ hưởng sử dụng; và (iv) hoạt động được thực hiện trên cơ sở phi lợi nhuận.

54 Hiệp ước Marrakesh (xem chú thích 42), Điều 4(2)(b).

55 Điều 4(4) sử dụng ngôn ngữ cho phép một bên có thể hạn chế các ngoại lệ đối với các tác phẩm mà một định dạng dễ tiếp cận không thể thu lợi về mặt thương mại theo các điều kiện hợp lý. Trong trường hợp một quốc gia thực hiện một tiêu chuẩn thương mại sẵn có, Điều 4(4) quy định bản sao dễ tiếp cận phải có sẵn theo các điều khoản hợp lý cho những người thụ hưởng trong thị trường đó. Do đó, ở một nước đang phát triển, bản sao dễ tiếp cận phải có sẵn với mức giá hợp lý cho người thụ hưởng ở quốc gia đó. Ngoài ra, Hiệp ước Marrakesh để “luật quốc gia xác định liệu các giới hạn hoặc ngoại lệ theo Điều này có phải trả thù lao hay không”. Do đó, một Bên ký kết có thể chọn thực hiện phần này bằng cách áp dụng giấy phép theo luật định hoặc thông qua một ngoại lệ tuyệt đối.

tương thích với máy đọc điện tử khác. Nếu có yêu cầu liên quan đến tính sẵn có về mặt thương mại, thì nó có thể làm cho việc áp dụng các ngoại lệ này trở nên khó khăn hơn, vì việc tìm kiếm bản sao thương mại có thể tiêu tốn thời gian và tài nguyên.

2.2.3 Phân phối các bản sao dễ tiếp cận trong nước

Hiệp ước Marrakesh yêu cầu quy định ngoại lệ cho phép phân phối định dạng dễ tiếp cận cho người mù, kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in. Việc phân phối bản sao bao gồm cả truyền dẫn kỹ thuật số.

Điều 4(1) cũng yêu cầu các Bên ký kết quy định ngoại lệ về quyền phân phối và cung cấp bản sao dễ tiếp cận cho người thụ hưởng.⁵⁶Cụm từ “làm sẵn có” được hiểu là bao gồm truyền dẫn kỹ thuật số. Ngoại lệ liên quan đến việc phân phối trong nước phải linh hoạt tương tự như đã trình bày ở trên.

2.2.4 Xuất khẩu các bản sao dễ tiếp cận

Hiệp ước Marrakesh yêu cầu quy định điều khoản cho phép tổ chức được ủy quyền xuất khẩu các bản sao dễ tiếp cận cho người thụ hưởng hoặc tổ chức được ủy quyền khác. Hiệp ước Marrakesh này không yêu cầu giới hạn xuất khẩu trong các trường hợp không có định dạng dễ tiếp cận dưới hình thức thương mại.

Mục tiêu chính của Hiệp ước Marrakesh là cho phép phân phối bản sao dễ tiếp cận giữa các nước. Do chi phí sản xuất cao và nhu cầu sử dụng các tác phẩm đa dạng nhưng lại tương đối thấp đối với mỗi tác phẩm, nên việc chia sẻ bản sao dễ tiếp cận giữa các nước sẽ mang lại lợi ích cho người không có khả năng đọc chữ in ở cả các nước phát triển và đang phát triển.

Những người không có khả năng đọc chữ in có thể được hưởng lợi từ việc nhập khẩu các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận hiện có ở các quốc gia khác, làm gia tăng đáng kể số lượng tác phẩm sẵn có. Để thực hiện phân phối giữa các quốc gia, cần phải hợp pháp hóa việc xuất khẩu bản sao dễ tiếp cận từ quốc gia tạo bản sao đó; và nhập khẩu bản sao dễ tiếp cận vào quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu của người không có khả năng đọc chữ in ở quốc gia đó.

Điều 5(1) quy định Bên ký kết phải cho phép tổ chức được ủy quyền phân phối (hoặc cung cấp dưới hình thức truyền dẫn kỹ thuật số) bản sao dễ tiếp cận (được tạo theo quy định về ngoại lệ) cho người thụ hưởng hoặc tổ chức được ủy quyền tại Bên ký kết khác.⁵⁷Nói cách khác, luật bản quyền trong nước của một Bên ký kết phải cho phép tổ chức được ủy quyền xuất khẩu bản sao dễ tiếp cận cho người thụ hưởng hoặc tổ chức được ủy quyền tại một Bên ký kết khác.

Việc xuất khẩu các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận sẽ giúp giải quyết nạn đói sách trên toàn thế giới, cho phép những người không có khả năng đọc chữ in ở những quốc gia khác tiếp cận các tác phẩm đã được chuyển đổi sang định dạng dễ tiếp cận. Các tổ chức được ủy quyền sẽ không cần lãng phí tài nguyên bằng cách sao chép các bản sao dễ tiếp cận hiện có.

Hiệp ước Marrakesh cho phép Bên ký kết linh hoạt trong việc thực thi nghĩa vụ này, bao gồm cả việc đưa ra một hướng tiếp cận mới. Theo Điều 5(2), Bên ký kết có thể đưa ra quy định ngoại lệ trong luật bản quyền quốc gia của mình cho phép tổ chức được ủy quyền phân phối bản sao dễ tiếp cận cho tổ chức được ủy quyền hoặc người thụ hưởng tại một Bên ký kết khác.⁵⁸

Trong các cuộc đàm phán Hiệp ước Marrakesh, một số đại biểu đã đề xuất đưa ra điều khoản trong Điều 5 liên quan đến tính sẵn có dưới hình thức thương mại. Điều này sẽ hạn chế việc xuất khẩu tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận đối với các trường hợp không có định dạng dễ tiếp cận dưới hình thức thương mại. Nhưng cuối cùng, điều khoản

⁵⁶ Hiệp ước Marrakesh (xem chú thích 42), Điều 4(1).

⁵⁷ Ibid., Điều 5(1).

⁵⁸ Điều này có thể xảy ra chỉ khi “tổ chức được ủy quyền không biết hoặc không có cơ sở hợp lý để biết rằng bản sao dễ tiếp cận sẽ được sử dụng cho người khác ngoài người thụ hưởng”.

này không được đưa vào trong Hiệp ước, như vậy, các nước được phép xuất khẩu bản sao để tiếp cận dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 5(4)(b) của Hiệp ước Marrakesh quy định rằng nếu một Bên ký kết không phải là thành viên của Hiệp ước về Quyền tác giả WIPO (WCT), tổ chức được ủy quyền chỉ được phép xuất khẩu bản sao để tiếp cận nếu quốc gia đó quy định các ngoại lệ thực hiện Hiệp ước cho “một số trường hợp đặc biệt không xung đột với việc sử dụng tác phẩm thông thường và không làm tổn hại đến quyền lợi hợp pháp của chủ bản quyền”. Đây được gọi là “thử nghiệm ba bước”. Tuyên bố chung liên quan đến điều khoản này xác nhận rằng điều khoản không áp đặt nghĩa vụ thực hiện thử nghiệm ba bước ngoài phạm vi các điều khoản của Hiệp ước liên quan đến trường hợp ngoại lệ đối với người thụ hưởng.

2.2.5 Nhập khẩu các bản sao để tiếp cận

Hiệp ước Marrakesh yêu cầu một điều khoản cho phép các tổ chức được ủy quyền hoặc người thụ hưởng nhập khẩu các bản sao để tiếp cận. Quy định này sẽ cho phép những người sử dụng chung ngôn ngữ được hưởng lợi từ các bản sao để tiếp cận hiện có ở các quốc gia khác.

Điều 6 của Hiệp ước Marrakesh quy định một điều khoản phù hợp với Điều 5. Tương tự như Điều 5 quy định các Bên ký kết cho phép các tổ chức được ủy quyền xuất khẩu bản sao để tiếp cận sang các tổ chức được ủy quyền hoặc người thụ hưởng tại các Bên ký kết khác, thì Điều 6 cũng cho phép tổ chức được ủy quyền hoặc người thụ hưởng được nhập khẩu các bản sao để tiếp cận từ các Bên ký kết khác.⁵⁹

Việc cho phép nhập khẩu các bản sao để tiếp cận là một phần quan trọng trong việc cải thiện khả năng sử dụng các bản sao để tiếp cận ở trong nước. Các quốc gia có thể tận dụng bản sao để tiếp cận hiện có ở các quốc gia khác, miễn là cùng chung ngôn ngữ hoặc dành cho những người không có khả năng đọc chữ in đang học ngôn ngữ mới.

2.2.6 Mối liên hệ với các biện pháp bảo vệ công nghệ

Hiệp ước Marrakesh yêu cầu quy định ngoại lệ đối với các điều khoản chống vi phạm. Ngoại lệ này phải cho phép các tổ chức được ủy quyền tạo bản sao để tiếp cận hoặc đảm bảo khả năng mở mã khóa kỹ thuật số thông qua các cơ chế khác. Hiệp ước Marrakesh không yêu cầu các tổ chức được ủy quyền phải đặt biện pháp bảo vệ công nghệ cho bản sao để tiếp cận.

Điều 7 của Hiệp ước Marrakesh quy định khi Bên ký kết cấm vi phạm các biện pháp bảo vệ công nghệ trong luật bản quyền chung, thì “sẽ có biện pháp thích hợp, nếu cần thiết để đảm bảo rằng... việc bảo vệ pháp lý này không gây cản trở cho người thụ hưởng được hưởng những giới hạn và ngoại lệ được quy định trong Hiệp ước.”⁶⁰ Vì vậy, Bên ký kết phải thông qua một ngoại lệ đối với điều khoản cấm vi phạm, cho phép tổ chức được ủy quyền tạo bản sao để tiếp cận hoặc đảm bảo khả năng khai thác thông qua các cơ chế khác, ví dụ: bằng cách yêu cầu chủ sở hữu bản quyền cung cấp cho tổ chức được ủy quyền một mật mã để mở khóa kỹ thuật số.

Tuyên bố chung tại Điều 7 nhấn mạnh rằng một tổ chức được ủy quyền có thể áp dụng biện pháp bảo vệ kỹ thuật cho bản sao để tiếp cận, nhưng **Hiệp ước không yêu cầu bắt buộc thực hiện điều này.**

2.2.7 Điều khoản bổ sung

Điều 8 của Hiệp ước Marrakesh quy định rằng các Bên ký kết “sẽ cố gắng bảo vệ quyền riêng tư của người thụ hưởng trên cơ sở bình đẳng với những người khác.”⁶¹ Điều khoản này nên được xem như là một cơ sở nền tảng thấp nhất chứ không phải là mức cao nhất. Ngay cả ở các quốc gia có ít quy định bảo vệ quyền riêng tư, thì cần khuyến

⁵⁹ Hiệp ước Marrakesh (xem chú thích 42), Điều 6.

⁶⁰ Ibid., Điều 7.

⁶¹ Ibid., Điều 8.

khích các tổ chức được ủy quyền bảo vệ thói quen đọc sách của những người thụ hưởng của Hiệp ước như là một quyền riêng tư cá nhân.

Điều 10 của Hiệp ước Marrakesh nhấn mạnh sự linh hoạt của các Bên ký kết trong việc thực hiện hiệp ước.⁶²Tuy nhiên, Điều 11 lưu ý rằng sự linh hoạt này cũng bị giới hạn do những nghĩa vụ cần phải thực hiện được quy định trong Hiệp ước. Đặc biệt, điều này phù hợp với hầu hết các quốc gia trong “thử nghiệm ba bước” theo Công ước Berne⁶³ và phần trình bày thử nghiệm trong Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) và Hiệp ước bản quyền WIPO.

Điều này được hiểu rằng nếu một Bên ký kết tuân thủ chặt chẽ các quy định của Hiệp ước, ví dụ như các thuật ngữ và các điều khoản của Điều 4(2), thì việc thực hiện sẽ đáp ứng các yêu cầu của thử nghiệm ba bước.

Điều 12(1) quy định rằng các Bên ký kết có thể bổ sung thêm ngoại lệ về bản quyền vì lợi ích của người thụ hưởng “tùy vào tình hình kinh tế, nhu cầu xã hội và văn hóa của Bên ký kết đó, phù hợp với các quyền và nghĩa vụ quốc tế, và trong trường hợp của một nước kém phát triển có tính đến các nhu cầu đặc biệt và các quyền, nghĩa vụ quốc tế cụ thể và tính linh hoạt của nước đó.” Điều khoản này mang lại lợi ích cho các nước, cụ thể các nước kém phát triển được miễn trừ tuân thủ các quy định của TRIPS hoặc các quốc gia đang phát triển có thể tận dụng Phụ lục trong Công ước Berne.⁶⁴

Điều 12(2) quy định Hiệp ước không ảnh hưởng đến các hạn chế và ngoại lệ khác đối với người khuyết tật.

2.2.8 Những lợi ích chính của Hiệp ước Marrakesh

Cung cấp ngoại lệ cho phép tạo và phân phối tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận được mà không cần sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền sẽ gia tăng số lượng các tác phẩm sẵn có cho người không có khả năng đọc chữ in. Do không có yêu cầu thù lao từ phía chủ sở hữu bản quyền, Hiệp ước Marrakesh hình dung khả năng chi phí sẽ thấp hơn vì không cần phải trả phí xin giấy phép. Hơn nữa, việc không có yêu cầu nào từ phía chủ sở hữu bản quyền sẽ giảm bớt đáng kể chi phí giao dịch.

Ngoài ra, việc xuất, nhập khẩu bản sao dễ tiếp cận mà không cần sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền có thể giúp tránh trùng lặp về mặt thời gian và tài nguyên ở các quốc gia khác nhau. Những quốc gia có lượng tác phẩm ít hơn sẽ có thể được hưởng lợi rất lớn từ bộ sưu tập tác phẩm hiện có và đang ngày càng tăng ở các quốc gia khác, đặc biệt đối với những quốc gia chung ngôn ngữ. Ví dụ, trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, nhiều cư dân của các quốc gia khác nhau dùng chung ngôn ngữ như tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Bengali, tiếng Bahasa và tiếng Malay; thì tác phẩm ở các ngôn ngữ này có thể được chia sẻ với những người thụ hưởng ở các quốc gia khác. Ngoài ra, một số trường học dành cho người mù và người kém mắt chú trọng vào việc dạy tiếng Anh cho học sinh; nên người thụ hưởng của Hiệp ước sẽ được hưởng lợi từ việc nhập khẩu từ các quốc gia có bộ sưu tập lớn các tác phẩm hiện có bằng tiếng Anh, chẳng hạn như Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Cuối cùng, Hiệp ước Marrakesh sẽ giúp giải quyết nạn đói sách bằng cách giảm bớt tình trạng thiếu các tác phẩm được tạo ra ở trong nước và tiết kiệm tài nguyên bằng cách tránh trùng lặp thông qua việc trao đổi qua biên giới giữa các nước với điều kiện các nước phê chuẩn và thực hiện các điều khoản của Hiệp ước.

Đáng chú ý hơn, theo quan điểm của chính phủ và chủ sở hữu bản quyền, việc quy định ngoại lệ đối với luật bản quyền theo Hiệp ước là biện pháp ít tốn kém nhất để giải quyết nạn đói sách. Chính phủ có thể ban hành luật yêu cầu nhà xuất bản tạo bản sao dễ tiếp cận của các tác phẩm mà họ xuất bản. Rõ ràng điều luật này sẽ áp đặt chi phí đáng kể cho các nhà xuất bản. Ngoài ra, chính phủ có thể tạo bản sao dễ tiếp cận, nhưng sẽ gây tốn kém cho chính phủ.

62 Điều 10(2) quy định rằng «không có gì ngăn chặn các Bên ký kết xác định phương pháp thích hợp để thực thi các quy định của Hiệp ước trong hệ thống pháp luật và thực tiễn của mình.» Hơn nữa, Điều 10(3) quy định rằng «Các Bên ký kết có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiệp ước này thông qua các hạn chế hoặc ngoại lệ vì lợi ích của người thụ hưởng, các hạn chế hoặc ngoại lệ khác hoặc kết hợp cả hai trong khuôn khổ luật pháp quốc gia và thực tiễn». Điều 10(3) bổ sung rằng các ngoại lệ và giới hạn «có thể bao gồm các quyết định tư pháp, hành chính hoặc quy định vì lợi ích của những người thụ hưởng như thực hiện công bằng, giao dịch hoặc sử dụng để đáp ứng nhu cầu của họ ...»

63 Công ước Berne, Điều 9(2) cho biết, “Đó sẽ là vấn đề pháp lý ở các nước nằm trong Liên hiệp cho phép sao chép các tác phẩm như vậy trong một số trường hợp đặc biệt, với điều kiện việc sao chép đó không mâu thuẫn với việc khai thác bình thường các tác phẩm và không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của tác giả”

64 Campuchia và Nepal được đánh giá là các nước kém phát triển nhất.

Thay vào đó, Hiệp ước Marrakesh cho phép các tổ chức được ủy quyền tạo và phân phối các bản sao để tiếp cận dựa trên kinh phí của mình. Hiệp ước cũng cho phép các tổ chức được ủy quyền và người không có khả năng đọc chữ in nhập khẩu bản sao để tiếp cận đã được tạo ở các quốc gia khác, bao gồm cả tài liệu kỹ thuật số. Do đó, Hiệp ước Marrakesh sẽ cho phép tổ chức được ủy quyền hoặc người không có khả năng đọc chữ in ở nước đang phát triển tải bản sao để tiếp cận do tổ chức được ủy quyền ở một nước phát triển khác tạo ra. Và bởi vì các nhà xuất bản thường không bán bản sao để tiếp cận ở các nước đang phát triển, nên nhà xuất bản sẽ không mất doanh thu do hoạt động của Hiệp ước.

Phải thừa nhận rằng nếu các tổ chức được ủy quyền ở quốc gia đang phát triển thiếu vốn, họ sẽ không thể hưởng lợi đầy đủ từ Hiệp ước vì họ không có đủ nguồn lực để tạo các bản sao để tiếp cận của các sách xuất bản trong nước ở ngôn ngữ địa phương. Tuy nhiên, họ có thể hỗ trợ người không có khả năng đọc chữ in tiếp cận bản sao để tiếp cận từ các tổ chức được ủy quyền có nguồn lực tốt hơn ở các quốc gia khác. Điều này sẽ là một bước cải thiện đáng kể so với hiện trạng.

2.3 Điều kiện cần thiết để phê chuẩn và thực hiện

Để giải quyết thành công nạn đói sách, các chính phủ, thư viện, tổ chức giáo dục và các tổ chức khác sẽ cần tận dụng các quy định trong nước để cung cấp các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận cho người khuyết tật. Để làm được như vậy cần phải nâng cao năng lực, cần phải thành lập và tài trợ các tổ chức hỗ trợ người không có khả năng đọc chữ in, mua công nghệ và đào tạo nhân sự. Để phát triển như vậy rõ ràng sẽ cần nhiều thời gian.

Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật và pháp lý, không có trở ngại nào đối với việc phê chuẩn và thực thi Hiệp ước ngay lập tức. Việt Nam đã là một phần của hệ thống hiệp ước bản quyền quốc tế và là thành viên của Công ước Berne hoặc của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), có nghĩa là Việt Nam thuộc phạm vi của Hiệp định TRIPS. Việt Nam đã có luật Sở hữu trí tuệ, trong đó, có quy định về bản quyền và phương tiện thực thi pháp luật, tuân thủ các điều khoản quốc tế đó.

Hiệp ước Marrakesh chỉ yêu cầu quy định ngoại lệ phù hợp với luật bản quyền trong nước. Những người làm việc tại các tổ chức hiện đang hỗ trợ người không có khả năng đọc chữ in cần phải được đào tạo về các điều khoản ngoại lệ mới, họ có thể tạo và phân phối các bản sao để tiếp cận bắt đầu từ ngày điều khoản ngoại lệ có hiệu lực.

Việc thực thi pháp luật có thể ở dưới các hình thức khác nhau. Phụ lục 1 của tài liệu này cung cấp hướng dẫn cách thức thực hiện, trong đó sử dụng phần lớn ngôn ngữ mạnh mẽ từ chính Hiệp ước Marrakesh.

Tuy nhiên, nhiều quốc gia đã có một số quy định giới hạn hoặc ngoại lệ về vấn đề bản quyền nhằm giải quyết những vấn đề của người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in. Mặc dù những hạn chế và ngoại lệ này hiện tại có thể chưa đủ để đáp ứng các yêu cầu của Hiệp ước Marrakesh, nhưng có thể tạo cơ sở cho những hạn chế và ngoại lệ phù hợp hơn sau này.

Bối cảnh và cấu trúc của các quy định pháp luật về bản quyền hiện hành của Việt Nam cũng cần rà soát và đề cập trong các đề xuất sửa đổi. Mặc dù ngôn ngữ quyết liệt sử dụng trong các điều khoản giới hạn và ngoại lệ được sao chép trực tiếp từ Hiệp ước Marrakesh có thể thích hợp trong một số trường hợp, nhưng bối cảnh thực tế cho thấy rằng có thể những sửa đổi đơn giản hơn là vừa đủ và phù hợp.



Chương

3

Tổng quan bối cảnh Việt Nam

Những điểm chính:

- Việt Nam đã phê chuẩn CRPD vào ngày 5 tháng 2 năm 2015. Việt Nam hiện chưa là một Bên ký kết của Hiệp ước Marrakesh.
- Theo điều tra dân số năm 2009, người khuyết tật ở Việt Nam chiếm 7,8% dân số, trong đó, người khiếm thị chiếm khoảng 14% tổng số người khuyết tật. Ước tính hiện nay có khoảng 1 triệu người khiếm thị. Người khuyết tật ở Việt Nam có tỷ lệ biết chữ, giáo dục và việc làm thấp hơn so với dân số nói chung.
- Việt Nam có một số tổ chức, cơ quan hỗ trợ người khuyết tật cung cấp nhiều loại hình dịch vụ bao gồm giáo dục, chương trình chăm sóc sớm cho người khiếm thị và xuất bản bản sao dễ tiếp cận như chữ nổi, âm thanh và dưới dạng bản in chữ phóng to.
- Hệ thống chữ nổi ở Việt Nam có nguồn gốc từ nhiều ngôn ngữ, mặc dù nó gần giống với hệ thống chữ nổi của Pháp. Các kí hiệu chữ nổi đã được các tổ chức sử dụng theo nhiều cách khác nhau và được các cơ quan hữu quan nỗ lực để xây dựng hệ thống thống nhất vào năm 2001. Tuy nhiên, nhiều học sinh không có khả năng chi trả cho sách chữ nổi. Một báo cáo cho thấy hơn 50% học sinh khiếm thị không có sách cần thiết phục vụ cho việc học tập. Vì vậy, mặc dù đã có tổ chức cấp quốc gia và nhiều tổ chức địa phương khác hỗ trợ người mù và người kém mắt, nhưng tình trạng thiếu nguồn tài nguyên nghiêm trọng vẫn còn đang diễn ra.
- Mặc dù Luật Sở hữu trí tuệ 2005 với quy định về bản quyền của Việt Nam đã đưa ra quy định ngoại lệ cụ thể cho việc “chuyển đổi” tác phẩm thành chữ nổi, nhưng quy định này vẫn cần được mở rộng để áp dụng cho bất kỳ định dạng dễ tiếp cận nào. Ngoài ra, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 của Việt Nam cần được sửa đổi bổ sung quyền xuất, nhập khẩu cho các tổ chức được ủy quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi bản sao dễ tiếp cận qua biên giới. Luật Sở hữu trí tuệ 2005 cũng nên được sửa đổi để đảm bảo các quy định về chống phá dỡ các biện pháp bảo vệ công nghệ không làm giảm quyền của người thụ hưởng đối với các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận.

3.1 Thông tin chung

Quyền và luật về người khuyết tật ở Việt Nam

Hiến pháp Việt Nam quy định rằng “Công dân có quyền làm việc và lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.”⁶⁵ Ngoài ra, tháng 6/2010, Việt Nam ban hành luật người khuyết tật toàn diện, quy định người khuyết tật có

65 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi và bổ sung năm 2013), Điều 35.

quyền “tham gia bình đẳng trong các hoạt động xã hội, ”và trong số đó là được cung cấp chỗ ở và tiếp cận giáo dục, việc làm, dạy nghề và các dịch vụ văn hóa.”⁶⁶

Việt Nam tiếp tục khẳng định cam kết thúc đẩy quyền của người khuyết tật thông qua phê chuẩn Công ước về Quyền của Người khuyết tật vào ngày 5 tháng 2 năm 2015. Những cam kết gần đây nhằm thúc đẩy quyền của người khuyết tật là những phát triển đáng khích lệ và cần cung cấp bằng chứng là chính sách hưởng ứng việc gia nhập và thực hiện Hiệp ước Marrakesh.

Người không có khả năng đọc chữ in ở Việt Nam

Điều tra năm 2009 ở Việt Nam cho thấy có 7,8% dân số là người khuyết tật.⁶⁷ Trong đó, khiếm thị cũng là dạng tật phổ biến chiếm khoảng 14%.⁶⁸ Ước tính hiện nay có khoảng 1 triệu người khiếm thị ở Việt Nam.

Người khuyết tật Việt Nam có tỷ lệ biết chữ, giáo dục và việc làm thấp hơn so với dân số nói chung. Dựa trên báo cáo điều tra dân số năm 2009 ở Việt Nam, một nghiên cứu năm 2011 của Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) cho thấy chỉ có 76,6% người khiếm thị biết chữ so với 95,2% những người không khuyết tật.⁶⁹ Tỷ lệ biết chữ của người mù theo báo cáo chỉ có 38,5%. Đối với thanh thiếu niên tuổi từ 15 đến 24 tuổi thì tỷ lệ này thậm chí còn thấp hơn ở mức 19,9%. Do đó, UNFPA kết luận rằng “cần quan tâm và hỗ trợ trong giáo dục cho thanh niên [khuyết tật].”⁷⁰

Trong số trẻ khiếm thị từ 6 đến 10 tuổi, chỉ có 71,3% được đi học và 26,8% chưa từng đi học; đối với trẻ em mù, chỉ có 12% đã đi học.⁷¹ Trong khi đó, đối với trẻ em không khuyết tật, tỷ lệ đi học chiếm 97,8%, chỉ 2,2% chưa từng đi học.⁷²

Tỷ lệ việc làm cho người khiếm thị là 75,5% và đối với người mù là dưới 21%, so với 82,7% người không khuyết tật.⁷³

Những khác biệt về tỷ lệ biết chữ, giáo dục và việc làm thậm chí còn cao hơn đối với những người mắc nhiều khuyết tật.⁷⁴

Các tổ chức, cơ quan hỗ trợ người khuyết tật

Ở Việt Nam đã có một số cơ quan của nhà nước cũng như tổ chức phi chính phủ hỗ trợ người khuyết tật. Nhằm thúc đẩy thực thi Công ước của Liên hiệp quốc về quyền của người khuyết tật, chính phủ Việt Nam đã thành lập Ủy ban quốc gia về người khuyết tật Việt Nam. Ủy ban có 18 thành viên là đại diện các bộ ngành và cơ quan trung ương. Ngày 21/6/2016, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1100/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hiệp quốc về quyền của người khuyết tật. Theo đó, nhiều tỉnh, thành phố đã thành lập Ban công tác người khuyết tật cấp tỉnh, và xây dựng Kế hoạch triển khai Công ước cấp tỉnh. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.⁷⁵ Bên cạnh đó, một số tổ chức của và vì người khuyết tật như: Liên hiệp hội về người khuyết tật Việt Nam, Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin... Một số tổ chức nhắm mục tiêu cụ thể vào việc hỗ trợ người mù hoặc người kém mắt, trong đó có Hội Người mù Việt Nam. Vào năm 2002, Hội Người mù Việt Nam là tổ chức quốc gia duy nhất của người khuyết tật.⁷⁶ Theo báo cáo năm 2017, Hội người mù Việt Nam đã có 56 Tỉnh, Thành hội người mù trên toàn quốc với hơn 73.000 hội viên (hơn gấp hai lần số hội viên là 35.000 người vào năm 2002) và giáo dục là một trong các hoạt động chính của tổ chức.⁷⁷

Theo một báo cáo năm 2002, Trung tâm nghiên cứu giáo dục trẻ em khuyết tật thành phố Hồ Chí Minh “quản lý 20 trường giáo dục đặc biệt trong thành phố và một số hoạt động dạy nghề ở một số tỉnh miền Nam và miền Bắc, đào

66 Luật Người khuyết tật (2010), Số. 51/2010/QH12.

67 Quỹ Dân số LHQ (UNFPA), *Người khuyết tật ở Việt Nam, Những phát hiện chính từ kết quả điều tra dân số và nhà ở tại Việt Nam năm 2009. Hà Nội* (Tháng 12/2011), http://vietnam.unfpa.org/webdav/site/vietnam/shared/Disability_ENG.pdf

68 Report on reviewing the implementation of the Ordinance on Disabled Persons of Ministry of Labours, Invalids and Social Affairs in 2009 (See at: http://www.nccd.molisa.gov.vn/attachments/075_Baocaotongket.doc)

69 Ibid., trang 58.

70 Ibid., trang 27, 58.

71 Ibid., trang 60.

72 Ibid.

73 Ibid., trang 62.

74 Ibid.

75 Government of Viet Nam (2018). Viet Nam Initial State Report on the Implementation of the United Nations Convention on the Rights of Persons with Disabilities. Available at https://tbinternet.ohchr.org/Treaties/CRPD/Shared%20Documents/VNM/CRPD_C_VNM_1_8348_E.pdf

76 JICA, Ban Kế hoạch và Đánh giá, *Hồ sơ quốc gia về người khuyết tật: CNXHVN Việt Nam* (Tháng 3/2002).

77 Báo cáo quốc gia của Hội người mù Việt Nam (2013–2014), <http://wbuap.org/index/mid-term-general-assembly-2014/vietnam-country-report>

tạo giáo viên, thực hiện các chương trình chăm sóc sớm cho người khiếm thị, xuất bản sách sử dụng hệ thống chữ nổi và tổ chức các ngày hội văn hóa cho những lớp có trẻ em khuyết tật.”⁷⁸ Việt Nam cũng tích cực xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án nhằm hỗ trợ người khuyết tật như Đề án trợ giúp người khuyết tật 2012-2020 gồm các nội dung về giáo dục, việc làm, y tế... Hiện nay, Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm đã cung cấp 51,6 tỷ đồng vốn vay để tạo việc làm cho người mù và hàng chục tỷ đồng cho những người khuyết tật khác.⁷⁹

Năm 2006, tổ chức DAISY For All đã được thành lập và đào tạo cho nhiều học viên, trong đó, có học viên đến từ Hội người mù Việt Nam (VBA), Trung tâm Đào tạo - Phục hồi chức năng cho người mù Việt Nam, Hội người mù Hà Nội, Hội người mù Hải Dương và Hội người mù Huế - sử dụng các công cụ tạo DAISY để tạo các tệp DAISY và sách âm thanh kỹ thuật số.⁸⁰ Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu dành cho trẻ em khiếm thị tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh và một vài đơn vị khác cũng tham gia tạo các định dạng để tiếp cận bao gồm cả chữ nổi, âm thanh và các định dạng in chữ phóng to.⁸¹

Mặc dù trên thực tế, như đã trình bày ở trên, có những tổ chức cung cấp dịch vụ cho những người khiếm thị, nhưng vẫn còn nhiều thách thức dẫn đến tỷ lệ biết chữ, giáo dục và việc làm thấp hơn. Một trong những lý do cho thực trạng này có thể là do hệ thống chữ nổi được đưa vào Việt Nam vào năm 1898, “các kí hiệu đã được phát triển và sử dụng theo cách riêng... dẫn đến nhiều biến thể trong việc sử dụng hệ thống chữ nổi từ các tổ chức cho đến các trung tâm giáo dục. Do đó, người khiếm thị ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc học chữ nổi.”

Năm 2001, để giải quyết vấn đề này, Hội đồng Giáo dục người khiếm thị thế giới (ICEVI) đã hỗ trợ Viện Khoa học giáo dục Việt Nam tổ chức các hội nghị để thống nhất hệ thống chữ nổi ở Việt Nam.⁸² Mặc dù đã có những cải tiến để thống nhất hệ thống chữ nổi, làm cho hệ thống quan trọng này được sử dụng rộng rãi, nhưng “[c] các công cụ giao tiếp dành cho người khuyết tật như bảng chữ nổi Braille và băng cassette ... vẫn còn hạn chế và tốn kém.”⁸³ Đề xuất năm 2006 cho trung tâm sản xuất bảng chữ nổi quốc gia ở Việt Nam đã xác nhận:

Sách giáo khoa chữ nổi vẫn là nguồn không thể chi trả đối với học sinh khiếm thị ở Việt Nam. Chỉ có vài trường đặc biệt có máy ép chữ nổi mini để in chữ nổi Braille. Một số tổ chức, trung tâm giáo dục và các trường đặc biệt dành cho trẻ khiếm thị soạn riêng sách chữ nổi cho học sinh bằng phương pháp thủ công. Trường học cũng không thể cung cấp đủ sách chữ nổi cho học sinh trường mình. Theo hồ sơ thống kê của [Bộ Giáo dục và Đào tạo], hơn 50% học sinh khiếm thị vẫn không được tiếp cận những cuốn sách cơ bản phục vụ học tập. Học sinh sẽ đến lớp mà không có sách chữ nổi Braille hoặc chia sẻ sách chữ nổi với các bạn khác trong trường đặc biệt hoặc có sự giúp đỡ của các bạn không bị khiếm thị trong trường học hòa nhập...

Hơn nữa, vì giáo dục hòa nhập phát triển nhanh, khi lý tưởng giáo dục hòa nhập được thực hiện, nhu cầu về sách chữ nổi cho trẻ em khiếm thị trong các lớp học hòa nhập ngày càng tăng. Do đó thật sự cần thiết lập các trung tâm sản xuất sách chữ nổi hiệu quả, tiết kiệm về chi phí ở Việt Nam để tất cả trẻ em và người khiếm thị có thể đủ khả năng mua... sách chữ nổi.⁸⁴

Vi vậy, mặc dù đã có tổ chức cấp quốc gia và nhiều tổ chức địa phương khác hỗ trợ người mù và người khiếm thị, nhưng tình trạng thiếu nguồn tài nguyên nghiêm trọng vẫn còn đang diễn ra.

3.2. Quy định pháp luật về bản quyền ở Việt Nam

Việt Nam là thành viên của Công ước Berne và là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nhưng chưa gia nhập WCT (Hiệp ước về Quyền tác giả WIPO - xem phần Thuật ngữ). Tuy nhiên, Việt Nam đã tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), một hiệp định thương mại lớn trong khu vực, với

78 Báo cáo quốc gia của Việt Nam tại Hội nghị cấp cao ASEAN & Nhật Bản lần thứ 9 về hoạt động chăm sóc xã hội: “Phát triển nguồn nhân lực trong các lĩnh vực phúc lợi và y tế với trọng tâm là nâng cao năng lực dịch vụ cung cấp và thúc đẩy việc làm của những người dễ bị tổn thương,” (25–28/10/2011), trang 20 (trích Nakanishi, Yukiko, *Ajiataiheyou no shougaisha no kyouiku* (Đào tạo cho người khuyết tật khu vực Châu Á-TBD, <http://www.din.or.jp/~yukin/ED.html>).

79 Ibid.

80 DAISY, DAISY For All: Vietnam, <http://www.daisy.org/daisyforall/vietnam> (truy cập gần nhất ngày 15/05/2015). Để xem thêm thông tin về dự án DAISY For All, xem chú thích 233.

81 CBM, *Chương trình: Trường Nguyễn Đình Chiểu cho trẻ em mù*, <http://www.cbm.org/programmes/Nguyen-Dinh-Chieu-School-for-Blind-Children-303237.php> (truy cập gần nhất ngày 1/4/2015).

82 Nguyễn Văn Khoa, ‘Xây dựng hệ thống sản xuất sách chữ nổi Braille với chi phí hiệu quả tại Việt Nam’, Hội đồng quốc tế về giáo dục cho người khiếm thị, E032, trang 1. Có tại http://icevi.org/publications/icevi_wc2006/01-access&inform_ation_technology/papper/ea_032_khoa.pdf

83 JICA, *Ban Kế hoạch và Đánh giá, Hồ sơ quốc gia về người khuyết tật: CNXHCN Việt Nam* (Tháng 3/2002).

84 Nguyễn Văn Khoa, ‘Xây dựng hệ thống sản xuất sách chữ nổi Braille với chi phí hiệu quả tại Việt Nam’, (xem chú thích 297), trang 2.

11 bên tham gia.⁸⁵Trong phần thảo luận chi tiết dưới đây, CPTPP yêu cầu Việt Nam sửa đổi quy định pháp luật về bản quyền, bao gồm buộc phải tham gia WCT và sửa đổi luật quốc gia.

Quy định pháp luật về bản quyền hiện hành của Việt Nam phù hợp với các quyền và nghĩa vụ theo Công ước Berne và Hiệp định TRIPS, bao gồm việc thực thi các quyền sở hữu trí tuệ và các biện pháp giải quyết vi phạm.

Mặc dù quy định pháp luật về bản quyền của Việt Nam đã đưa ra quy định ngoại lệ cụ thể cho việc “chuyển đổi” của tác phẩm thành chữ nổi, nhưng quy định này vẫn cần được mở rộng để tuân thủ Hiệp ước Marrakesh. Ngoài ra, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 của Việt Nam cần được sửa đổi cho phép việc chia sẻ bản sao để tiếp cận qua biên giới và đảm bảo các quy định về chống phá dỡ các biện pháp bảo vệ công nghệ không làm giảm quyền của người thụ hưởng đối với các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận.

Tạo và phân phối bản sao dễ tiếp cận

Theo Luật Sở hữu trí tuệ 2005 hiện hành ở Việt Nam, về mặt kinh tế, tác giả có quyền tạo ra các tác phẩm phái sinh.⁸⁶Tuy nhiên, cũng có quy định cụ thể về ngoại lệ đối với bản quyền cho việc tạo ra ít nhất một bản sao dưới dạng chữ nổi cho người khiếm thị. Điều 25.1(i) quy định không nhất thiết phải xin phép hoặc trả thù lao cho việc “chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị.”⁸⁷

Rõ ràng, ngoại lệ này cho phép việc tạo bản sao dễ tiếp cận bằng chữ nổi, mặc dù “ngôn ngữ khác cho người khiếm thị” không được xác định rõ ràng. Do chữ nổi đó không được chuẩn hóa ở Việt Nam cho đến sau năm 2001, nên có thể ngôn ngữ này được thiết kế cho phép tạo bản sao dễ tiếp cận ở nhiều mã khác nhau. Ngoại lệ này tập trung vào chữ nổi hoặc “ký tự của các ngôn ngữ khác cho người khiếm thị” nhưng chưa cho phép tạo bản sao dễ tiếp cận ở định dạng khác cần thiết như âm thanh hoặc dưới dạng bản in chữ phóng to. Ngoài ra, ngoại lệ này chỉ áp dụng cho người khiếm thị và có thể không áp dụng cho người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in.

Do vậy, điều khoản ngoại lệ hiện tại hẹp hơn nhiều so với quy định của Hiệp ước Marrakesh. Để tuân thủ và tận dụng đầy đủ các điều khoản của Hiệp ước, nội dung của Điều 25 cần được sửa đổi để mở rộng phạm vi người thụ hưởng và định dạng của bản sao dễ tiếp cận.

Trong những quy định về ngoại lệ này, luật pháp của Việt Nam không quy định rõ ràng việc phân phối các bản sao dễ tiếp cận. Để tuân thủ đầy đủ Hiệp ước Marrakesh, cần phải nêu rõ trong văn bản luật cho phép phân phối bản sao dễ tiếp cận bao gồm truyền dẫn kỹ thuật số trong bối cảnh của Hiệp ước.

Xuất, nhập khẩu

Điều 20 quy định về mặt kinh tế, tác giả có quyền phân phối và nhập khẩu.⁸⁸ Điều 28 quy định thêm rằng việc xuất, nhập khẩu hoặc phân phối tác phẩm mà không được chủ sở hữu bản quyền cho phép là hành vi xâm phạm quyền tác giả.⁸⁹ Tuy nhiên, Điều 25 quy định một ngoại lệ, cho phép nhập khẩu các bản sao với mục đích sử dụng cá nhân.⁹⁰

Do đó, các cá nhân thụ hưởng của Hiệp ước có thể sử dụng điều khoản này để nhập khẩu bản sao dễ tiếp cận từ các quốc gia khác với mục đích sử dụng cá nhân. Tuy nhiên, Điều 25 không đủ rộng, chưa bao gồm điều khoản quy định cho phép các tổ chức được ủy quyền nhập khẩu tác phẩm và xuất khẩu bản sao dễ tiếp cận.

Do đó, Việt Nam nên sửa đổi luật của mình để cho phép các tổ chức được ủy quyền xuất, nhập khẩu các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận.⁹¹ Đây là một cấu phần quan trọng, không chỉ tuân thủ Hiệp ước Marrakesh, mà còn đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp ước.

85 Các bên tham gia CPTPP là Australia, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Japan, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, và Việt Nam.

86 Luật sở hữu trí tuệ, Số 50/2005/QH11 (29/11/2005), được sửa đổi bằng luật số 36/2009/QH12 (19/6/2009), và luật số 19/2013/VBHN-VPQH (18/12/2013).

87 Ibid.

88 Ibid., Điều 20.1(d).

89 Ibid., Điều 28.16.

90 Ibid., Điều 25.1(j). Điều khoản này giống như Điều 25.1(i) Cho phép tạo bản sao chữ nổi, tuân theo yêu cầu không ảnh hưởng tới việc sử dụng tác phẩm hoặc gây ra phương hại cho chủ sở hữu bản quyền.

91 Việt Nam không phải thành viên của WCT do đó phải tuân theo Điều (5)(4)(b) của Hiệp ước Marrakesh. Việc sửa đổi được đề xuất đối với quy định pháp luật về bản quyền của Việt Nam là đủ để đáp ứng nghĩa vụ thử nghiệm ba bước theo Điều 5(4)(b).

Các biện pháp bảo vệ công nghệ

Điều 198 áp dụng cho mọi hình thức quyền sở hữu trí tuệ, cho phép chủ sở hữu bản quyền “bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của họ bằng cách “áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.”⁹² Tuy nhiên, điều khoản này chỉ áp dụng để ngăn ngừa hành vi xâm phạm, việc tạo bản sao để tiếp cận có thể được hiểu là không vi phạm bản quyền.

Hơn nữa, mặc dù Điều 198 quy định quyền áp dụng biện pháp bảo vệ công nghệ, nhưng không có điều khoản nào cấm việc phá dỡ các biện pháp này và biện pháp khắc phục chỉ áp dụng cho trường hợp vi phạm.

Điều 28 tập trung chủ yếu vào bản quyền, cấm “Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.”⁹³

Mặc dù lệnh cấm của Điều 28 không áp dụng trực tiếp cho hành động gian lận, nhưng điều này quy định cấm sản xuất, phân phối và nhập khẩu các thiết bị có thể vô hiệu các biện pháp bảo vệ công nghệ. Quy định này có thể gây cản trở trong quá trình thực hiện Hiệp ước Marrakesh vì đôi khi cần phải vô hiệu các biện pháp bảo vệ của các tác phẩm kỹ thuật số.

Điều 28 quy định cấm sản xuất và phân phối các thiết bị như vậy. Có vẻ như quy định này áp dụng cho tất cả các trường hợp biết hoặc có cơ sở để biết những thiết bị này “có thể vô hiệu” các biện pháp bảo vệ công nghệ. Quy định này sẽ là trở ngại đối với người không có khả năng đọc chữ in trong việc mua các thiết bị này để phá dỡ các biện pháp công nghệ tạo điều kiện tiếp cận các bản sao để tiếp cận.

Có vẻ như không có quy định cụ thể nào trong quy định pháp luật về bản quyền Việt Nam cho phép vi phạm hoặc có ngoại lệ hoặc giới hạn cho phép sản xuất, phân phối, nhập khẩu hoặc bán thiết bị có thể phá dỡ các biện pháp bảo vệ công nghệ, ngay cả khi mục đích sử dụng không vi phạm.

Với tình trạng hiện nay, Việt Nam đã là một bên tham gia của CPTPP và sẽ yêu cầu những thay đổi có thể có đối với quy định pháp luật về bản quyền, cần xem xét sửa đổi để thực hiện thành công Hiệp ước Marrakesh.

Điều đáng chú ý là những điều khoản của CTPP đưa ra các giới hạn và ngoại lệ bao gồm công nhận và hỗ trợ những người mù, người kém mắt hay người không có khả năng đọc chữ in được tiếp cận việc làm, bao gồm những tham chiếu đặc biệt trong Hiệp ước Marrakesh.

Do đó, quy định pháp luật về bản quyền của Việt Nam nên được sửa đổi để đảm bảo các biện pháp bảo vệ công nghệ không cản trở người thụ hưởng được sử dụng các hạn chế và ngoại lệ theo Hiệp ước Marrakesh. Ngoài ra, luật phải được sửa đổi tạo điều kiện cho phép sản xuất, phân phối và nhập khẩu các thiết bị vô hiệu các biện pháp bảo vệ công nghệ và sử dụng công nghệ tạo tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận; cá nhân không vô hiệu các biện pháp bảo vệ công nghệ mà không sử dụng các thiết bị được thiết kế riêng cho việc này.

3.3. Kết luận và kiến nghị

Việt Nam cần sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ 2005, mở rộng quy định về việc tạo và phân phối các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận. Luật của Việt Nam dường như bị giới hạn ở định dạng chữ nổi, do đó cần mở rộng điều khoản để có thể áp dụng cho tất cả định dạng dễ tiếp cận. Ngoài ra, Việt Nam cần quy định rõ ràng cho phép quyền nhập khẩu đối với các tổ chức được ủy quyền và quyền xuất khẩu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi bản sao để tiếp cận qua biên giới. Hơn nữa, luật phải làm rõ rằng những người thụ hưởng có quyền phá dỡ các biện pháp bảo vệ công nghệ.

92 Luật sở hữu trí tuệ (xem chú thích 301), Điều 198.1(a).

93 Ibid., Điều 28.14.



Trong các bảng dưới đây, cột bên trái là nội dung hiện hành của Luật Sở hữu trí tuệ 2005 còn cột bên phải là nội dung đề xuất sửa đổi. Phần gạch chân là phần bổ sung còn phần bị gạch là phần cần xóa bỏ. Chỉ những nội dung đề xuất sửa đổi cho luật hiện hành mới được đưa vào cột bên phải.

Tạo và phân phối các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận...

Luật Hiện hành	Đề xuất sửa đổi
<p>Điều 25</p> <p>1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:</p> <p>[...]</p> <p>i/ Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;</p>	<p>Điều 25</p> <p>1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:</p> <p>[...]</p> <p>i/ Tạo và phân phối tác phẩm dưới dạng bản sao dễ tiếp cận bằng chữ nổi hoặc các ký tự của ngôn ngữ khác cho người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in</p>
<p>Lời bình</p>	
<p>Để tuân thủ Hiệp ước Marrakesh, cần phải bổ sung thêm ngoại lệ này để đảm bảo rằng các định dạng dễ tiếp cận không bị giới hạn ở chữ nổi mà có thể những định dạng cần thiết khác. Thuật ngữ “bản sao dễ tiếp cận” là thuật ngữ được lấy trực tiếp từ Hiệp ước Marrakesh.</p> <p>Ngoài ra, Hiệp ước Marrakesh không chỉ hướng tới hỗ trợ người mù mà còn cả những người kém mắt hoặc không có khả năng đọc chữ in, ví dụ người có khuyết tật về khả năng nhận thức hoặc đọc hoặc vì bất kỳ một khuyết tật thể chất nào khác không thể cầm nắm hoặc thao tác một cuốn sách. Bổ sung thêm thuật ngữ “kém mắt” và “không có khả năng đọc chữ in” sẽ mở rộng thêm trường hợp được hưởng lợi từ ngoại lệ này theo các điều khoản của Hiệp ước Marrakesh.</p> <p>Luật hiện hành của Việt Nam quy định một số hạn chế và ngoại lệ, bao gồm cho phép tạo bản sao có định dạng chữ nổi cho người khiếm thị. Tuy nhiên, luật không nêu cụ thể quyền phân phối. Có thể đoạn mở đầu của Điều 25 quy định rằng những “trường hợp sử dụng” không phải xin phép hoặc không phải trả tiền nhuận bút và/hoặc tiền thù lao có thể được hiểu là áp dụng cho quyền phân phối. Tuy nhiên, để tuân thủ các nghĩa vụ của Hiệp ước Marrakesh, đề nghị sửa đổi Điều 25.1(i) cho phép phân phối các bản sao dễ tiếp cận.⁹⁴</p>	

⁹⁴ Được đề cập bao gồm việc phân phối quy định trong điều khoản này, có thể hướng tới bao gồm một điều khoản dự phòng để đảm bảo rằng việc bao gồm thuật ngữ trong đoạn (i) không ảnh hưởng đến các hạn chế và ngoại lệ khác theo Điều 25.

Xuất, nhập khẩu

Luật Hiện hành	Đề xuất sửa đổi
<p>Điều 28 – Hành vi xâm phạm quyền tác giả</p> <p>[...]</p> <p>16. Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả</p> <p>Điều 25</p> <p>1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:</p> <p>[...]</p> <p>k) Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.</p>	<p>Điều 25</p> <p>1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:</p> <p>[...]</p> <p>k/ Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng <u>hoặc vì lợi ích của người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in.</u></p> <p><u>l/ Chính phủ, các tổ chức phi lợi nhuận hoặc các tổ chức khác được quyền xuất khẩu bản sao để tiếp cận nhằm cung cấp dịch vụ cho người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in.</u></p>
<p>Lời bình</p>	
<p>Để tuân thủ Hiệp ước Marrakesh, các tổ chức phục vụ người không có khả năng đọc chữ in cũng như bản thân người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in khác phải được phép nhập khẩu các tác phẩm. Điều 25.1(k) cần được sửa đổi cho phép các tổ chức phục vụ người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in, cũng như các cá nhân đại diện cho người có nhu cầu nhập khẩu các bản sao tác phẩm có thể tiếp cận.</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ 2005 của Việt Nam cũng nên sửa đổi, hoặc Điều 25.1(k) hoặc thông qua điều khoản mới Điều 25.1(l), cho phép chính phủ, các tổ chức phi lợi nhuận và các tổ chức phục vụ người thụ hưởng mà Hiệp ước Marrakesh hướng đến để xuất khẩu các bản sao để tiếp cận. Trao đổi qua biên giới là một điều khoản quan trọng của Hiệp ước Marrakesh, do vậy nên sử dụng điều khoản này để giải quyết nạn đói sách.</p>	

Các biện pháp bảo vệ công nghệ

Luật Hiện hành	Đề xuất sửa đổi
<p>Điều 28 – Hành vi xâm phạm quyền tác giả</p> <p>[...]</p> <p>14. Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.</p> <p>Điều 198</p> <p>1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:</p> <p>a) Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;</p> <p>[...]</p>	<p>Điều 28 – Hành vi xâm phạm quyền tác giả</p> <p>[...]</p> <p>14. Sản xuất, lắp ráp, chuyển đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình, <u>ngoại trừ những trường hợp sử dụng thiết bị đó để tạo bản sao để tiếp cận.</u></p> <p>Điều 198</p> <p>1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:</p> <p>a) Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;</p> <p>[...]</p> <p>Điều X</p> <p><u>Các biện pháp công nghệ có thể được vô hiệu để tạo hoặc tiếp cận tác phẩm có thể tiếp cận cho người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in.</u></p>
<p>Comment</p>	
<p>Cần bổ sung Điều 28.14 để đảm bảo những người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in có quyền làm vô hiệu các biện pháp bảo vệ công nghệ thông qua việc mua thiết bị có khả năng hiển thị các tác phẩm kỹ thuật số có thể tiếp cận. Ngoài ra, Điều khoản mới quy định trong Điều X đảm bảo tuân thủ Điều 7 của Hiệp ước Marrakesh. Các bên tham gia Hiệp ước Marrakesh có nghĩa vụ đảm bảo rằng mọi biện pháp chống vô hiệu không gây cản trở người thụ hưởng của Hiệp ước được hưởng lợi từ các hạn chế và ngoại lệ được thảo luận ở trên.</p> <p>Có nhiều cách khác nhau để đảm bảo tuân thủ Hiệp ước Marrakesh và những đề xuất sửa đổi ở đây chỉ là một trong những cách đó để đảm bảo rằng người thụ hưởng được hưởng lợi từ những hạn chế và ngoại lệ, cho phép tạo và phân phối các tác phẩm ở định dạng để tiếp cận và trao đổi các bản sao để tiếp cận qua biên giới.</p>	



Chương

4

Tổng kết và hướng đi tiếp theo

Đặt dấu chấm hết cho nạn đói sách là một cấu phần quan trọng trong việc thúc đẩy quyền của người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in, nhằm đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Tiếp cận thông tin tri thức đóng vai trò rất quan trọng trong việc đạt được nhiều quyền con người như đã thảo luận ở trên. Việc phê chuẩn và thực hiện Hiệp ước Marrakesh là bước đi cụ thể nhằm thực hiện các quy định của CRPD và biến tinh thần của các tài liệu về quyền của con người đối với người không có khả năng đọc chữ in thành hiện thực. Tính đến tháng 10 năm 2018, đã có 45 bên ký kết Hiệp ước, bao gồm 70 quốc gia, và rất cần các nước khác trên thế giới tiếp tục phê chuẩn hiệp ước để giải quyết nạn đói sách.

Càng nhiều quốc gia phê chuẩn Hiệp ước và thực hiện các điều khoản có hiệu quả thì càng có nhiều thành công hơn trong việc đảm bảo những người không có khả năng đọc chữ in có quyền tiếp cận thông tin và kiến thức. Các quốc gia đã phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh áp dụng khung pháp lý nhằm triển khai mạnh mẽ sẽ không chỉ có thể tạo và phân phối các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận trong nước mà còn có thể chia sẻ với các quốc gia khác cùng chung ngôn ngữ.

Các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam sẽ có thể hưởng lợi rất lớn từ việc nhập khẩu tác phẩm từ các nước đang có bộ sưu tập đa dạng. Vì một số trường dành cho người mù và người kém mắt tập trung vào việc dạy tiếng Anh nên học sinh ở các quốc gia này sẽ được hưởng lợi từ các bộ sưu tập ở định dạng dễ tiếp cận ở Hoa Kỳ và các quốc gia nói tiếng Anh khác. Do đó, điều quan trọng là phải có một số lượng lớn các quốc gia phê chuẩn và thực hiện Hiệp ước Marrakesh.

Hiệp ước Marrakesh quy định các giới hạn và ngoại lệ tối thiểu, yêu cầu các bên tham gia Hiệp ước cho phép tạo và phân phối các định dạng dễ tiếp cận, cho phép các tổ chức được ủy quyền xuất, nhập khẩu các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận. Có nhiều cách thực hiện các yêu cầu này. Mặc dù một số quốc gia có thể sử dụng trực tiếp nội dung của Hiệp ước Marrakesh,⁹⁵ nhưng các quốc gia khác có thể đơn giản hóa và lược bớt những nội dung này sao cho phù hợp với luật hiện hành và phù hợp với cấu trúc hiện hành của luật pháp.

Bất kể việc thực hiện pháp luật được xây dựng với nội dung đầy đủ hay lược bớt, điều quan trọng là phải hiểu sự khác biệt giữa những gì Hiệp ước Marrakesh yêu cầu và những gì Hiệp ước cho phép. Cụ thể là Hiệp ước Marrakesh không áp đặt bất kỳ yêu cầu nào đối với các trường hợp không có định dạng dễ tiếp cận dưới hình thức thương mại thì sẽ không được hưởng những lợi ích của hiệp ước.

Các quốc gia khi ban hành luật nên sử dụng tính linh hoạt này trong Hiệp ước Marrakesh và không bao gồm tiêu chuẩn về tính sẵn có dưới hình thức thương mại. Việc đưa tiêu chuẩn như vậy sẽ làm giảm khả năng áp dụng các ngoại lệ được quy định theo Hiệp ước Marrakesh, bởi vì có thể sẽ cần nhiều thời gian và tài nguyên hơn để xác định xem liệu có định dạng dễ tiếp cận dưới hình thức thương mại hay không. Thêm vào đó, bản sao dễ tiếp cận có thể có sẵn ở định dạng này nhưng có thể không phải là định dạng phù hợp với nhu cầu cá nhân. Ví dụ, không phải tất cả những người thụ hưởng của Hiệp ước Marrakesh đều đọc chữ nổi.

Ngoài ra, một tệp định dạng dễ tiếp cận trên một máy đọc điện tử có thể không tương thích với máy đọc điện tử mà cá nhân đang cần tác phẩm đó sử dụng. Vì vậy, không cần thiết phải tạo thêm các rào cản trong việc tạo và phân phối các định dạng dễ tiếp cận. Các bên tham gia Hiệp ước Marrakesh nên tránh áp dụng các tiêu chuẩn mới về tính

95 Xem Phụ lục 1 về mẫu quy chế dựa trên ngôn ngữ trong Hiệp ước Marrakesh.

sẵn có dưới hình thức thương mại trong bộ luật của mình, mà không xem xét cẩn thận những bất lợi mà các quy định đó sẽ gây ra.

Trong khi đó, mặc dù một số tổ chức được ủy quyền có thể muốn đặt các biện pháp bảo vệ công nghệ cho các định dạng mà họ phân phối, nhưng Hiệp ước Marrakesh không áp đặt nghĩa vụ đó.

Mặc dù các khuyến nghị trong báo cáo phản ánh tình trạng hiện tại của luật pháp của mỗi quốc gia, đặc biệt là đối với các quy định về chống phá dỡ và biện pháp bảo vệ công nghệ, điều quan trọng là phải thừa nhận rằng các hiệp định thương mại tự do và các hiệp ước khác có thể yêu cầu một số thay đổi trong luật pháp của nước đó để không ảnh hưởng đến Hiệp ước Marrakesh. Các quy định trong các hiệp định và hiệp ước liên quan đến sở hữu trí tuệ thường vượt quá những yêu cầu của Hiệp định TRIPS hoặc các điều ước quốc tế khác như Công ước Berne hoặc WCT.

Trong những trường hợp này, các bên tham gia Hiệp ước Marrakesh sẽ phải lưu ý để đảm bảo rằng các quy định chống phá dỡ không làm giảm các quyền được quy định theo Hiệp ước. Một điều khoản cụ thể cho phép vô hiệu các biện pháp bảo vệ để tạo bản sao để tiếp cận sẽ đáp ứng được những quy định theo Hiệp ước Marrakesh, mặc dù một số quốc gia có thể lựa chọn đưa ra quy định một ngoại lệ rộng hơn tức là cho phép phá dỡ phục vụ cho các mục đích hợp pháp mà những mục đích này được luật pháp trong nước cho phép.

Việc cho phép vô hiệu các biện pháp bảo vệ công nghệ đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo rằng các bản sao kỹ thuật số của các tác phẩm, bao gồm các tác phẩm đã được tạo dưới dạng kỹ thuật số, không tạo thêm các rào cản đối với việc tạo và phân phối các định dạng để tiếp cận. Có thể khuyến khích các quốc gia đưa ra một điều khoản cụ thể cho phép phá dỡ các biện pháp bảo vệ công nghệ, ngay cả khi quốc gia chưa có điều khoản hiện hành về các biện pháp chống phá dỡ, để đảm bảo rằng luật pháp trong nước vẫn tuân thủ Hiệp ước Marrakesh, thậm chí ngay cả sau khi họ tham gia thỏa thuận áp đặt điều khoản chống phá dỡ.

Khi ký kết các thỏa thuận liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ vượt xa luật pháp quốc tế yêu cầu, các quốc gia phải đảm bảo rằng các quy định này không gây cản trở việc tiếp cận các công nghệ và thiết bị hỗ trợ có giá phải chăng cho người mù, chẳng hạn như chữ nổi, máy in, máy đọc kỹ thuật số và các thiết bị khác. Mặc dù các khuyến nghị trong báo cáo này nhằm hướng dẫn thực hiện Hiệp ước Marrakesh dựa theo tình hình luật pháp hiện hành của từng quốc gia, nhưng có thể cần bổ sung thêm các quy định nếu luật bản quyền hiện tại của quốc gia thay đổi.

Việc phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh và thực thi pháp luật tuân thủ các yêu cầu của Hiệp ước là những bước quan trọng đầu tiên trong việc tạo ra một khung pháp lý phù hợp, nhưng việc thực hiện hiệu quả đòi hỏi người hưởng lợi và tổ chức được ủy quyền phải sử dụng luật. Các tổ chức phục vụ người mù, người kém mắt hoặc người không có khả năng đọc chữ in phải tận dụng lợi ích của Hiệp ước Marrakesh để tạo và phân phối các tác phẩm ở định dạng để tiếp cận, bao gồm phân phối qua biên giới.

Nhận thức quyền hiểu biết của người không có khả năng đọc chữ in và chấm dứt nạn đói sách là những yếu tố then chốt để đạt được sự phát triển toàn diện, bền vững và công bằng ở Việt Nam. Hiệp ước Marrakesh sẽ là một công cụ hiệu quả nhằm hướng dẫn các chính phủ, các tổ chức cộng đồng và các đối tác phát triển theo đuổi tinh thần và nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau” được thể hiện sâu sắc trong các Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Phụ lục

Phụ lục 1: Mẫu: Quy chế thực hiện Hiệp ước Marrakesh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các tác phẩm đã công bố cho người mù, người kém mắt, hoặc người không có khả năng đọc chữ in

MẪU: QUY CHẾ THỰC HIỆN HIỆP ƯỚC MARRAKESH NHẪM TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO VIỆC TIẾP CẬN CÁC TÁC PHẨM ĐÃ CÔNG BỐ CHO NGƯỜI MÙ, NGƯỜI KÉM MẮT, HOẶC NGƯỜI KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG ĐỌC CHỮ IN

Jonathan Band và Peter Jaszi

Hiệp ước Marrakesh tạo sự linh hoạt cho các Bên ký kết trong việc thực thi các điều khoản trong Hiệp ước. Như Điều 10(3) quy định, “Các Bên ký kết có thể thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo hiệp ước này thông qua các hạn chế hoặc ngoại lệ đặc biệt vì lợi ích của người thụ hưởng, các hạn chế hoặc ngoại lệ khác, hoặc kết hợp...” Điều 4(2) tạo điều kiện cho Bên ký kết có thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Điều 4(1) cho phép tạo và phân phối các bản sao để tiếp cận trong nước. Tương tự như vậy, Điều 5(2) cũng tạo điều kiện cho Bên ký kết có thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Điều 5(1) cho phép trao đổi các bản sao để tiếp cận qua biên giới. Dưới đây là một quy chế mẫu để thực hiện các Điều 4(2) và 5(2) theo luật pháp trong nước. (Phần này nằm trong Phần Phụ lục, những phần thay đổi cho phù hợp với Hiệp ước Marrakesh cũng được ghi chú chi tiết). Chúng tôi cho rằng cách thức này chưa phải là cách tiếp cận tốt nhất để đạt được mục tiêu của Hiệp ước về việc tăng tính sẵn có của các bản sao để tiếp cận cho người không có khả năng đọc chữ in. Thay vào đó, cách tiếp cận này có thể là khả thi nhất về mặt chính trị đối với các quốc gia không có ngoại lệ đối với người không có khả năng đọc chữ in trong luật pháp bởi vì văn bản này gần giống với văn bản hiệp ước.

PHẦN X - TẠO VÀ PHÂN PHỐI BẢN SAO CÓ THỂ TIẾP CẬN

X.1 Thuật ngữ

Theo mục đích sử dụng của Phần này:

- (a) “tác phẩm” là tác phẩm văn học và nghệ thuật được thể hiện bằng văn bản, ký hiệu và/ hoặc hình minh họa có liên quan, bất kể đã được công bố hoặc công khai đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào, bao gồm các tác phẩm như vậy ở dạng âm thanh;
- (b) “Bản sao để tiếp cận” là bản sao của tác phẩm được thể hiện bằng một phương thức hay định dạng khác mà người thụ hưởng có thể truy cập, bao gồm cho phép người đó có quyền sử dụng và truy cập dễ dàng và thoải mái như một người không bị khiếm thị hoặc người có khả năng đọc bình thường, và phải tôn trọng sự toàn vẹn của tác phẩm gốc, có thể có những thay đổi cần thiết để tạo ra định dạng khác theo nhu cầu truy cập của người thụ hưởng;
- (c) “tổ chức được ủy quyền” là
 - (i) tổ chức được [chính phủ] cho phép hoặc công nhận, hoặc nhận hỗ trợ tài chính từ [chính phủ] chịu trách nhiệm cung cấp hoạt động giáo dục, đào tạo, giảng dạy, đọc hoặc tiếp cận thông tin cho người thụ hưởng trên cơ sở phi lợi nhuận, hoặc
 - (ii) tổ chức chính phủ hoặc tổ chức phi lợi nhuận cung cấp các dịch vụ tương tự cho những người thụ hưởng như là một trong những hoạt động chính hoặc nghĩa vụ cơ bản của tổ chức đó.
- (d). “Người thụ hưởng” là:
 - (i) người mù;
 - (ii) người kém mắt hoặc khuyết tật về khả năng nhận thức hoặc đọc mà không thể cải thiện chức năng thị

giác cơ bản tương đương như của một người không có suy giảm hoặc khuyết tật và do đó không thể đọc các tác phẩm in cùng một mức độ như người không bị khiếm khuyết hoặc khuyết tật; hoặc

(iii) người vì bất kỳ một khuyết tật thể chất nào khác không thể cầm nắm hoặc thao tác một cuốn sách, hay tập trung hoặc di chuyển mắt đến mức độ bình thường mà mắt có thể đọc được;

bất kể khuyết tật nào khác.

X.2 Tạo và Phân phối Bản sao dễ tiếp cận

- (a). Tổ chức được ủy quyền được phép, mà không cần sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền, tạo một bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm, lấy từ một tổ chức được ủy quyền khác, và cung cấp các bản sao đó cho người thụ hưởng bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm cho vay phi thương mại hoặc dưới hình thức thông tin liên lạc điện tử có dây hoặc không dây và thực hiện bất kỳ bước trung gian nào để đạt được các mục tiêu đó, khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây:
- (i) tổ chức được ủy quyền muốn thực hiện hoạt động nói trên có quyền truy cập hợp pháp vào tác phẩm đó hoặc bản sao của tác phẩm đó;
 - (ii) tác phẩm được chuyển đổi thành bản sao dễ tiếp cận;
 - (iii) các bản sao dễ tiếp cận được cung cấp độc quyền cho người thụ hưởng sử dụng; và
 - (iv) hoạt động được thực hiện trên cơ sở phi lợi nhuận.
- (b) Tổ chức được ủy quyền đáp ứng các yêu cầu của mục (a)(iii) khi thành lập và tuân theo các công việc thực tế của riêng mình:
- (i) xác định được những người mà họ phục vụ là những người thụ hưởng;
 - (ii) giới hạn người thụ hưởng và/hoặc tổ chức được ủy quyền được phép tạo và phân phối bản sao dễ tiếp cận; và
 - (iii) liên tục quan sát, và ghi chép việc xử lý các bản sao của tác phẩm đó.
- (c) Người thụ hưởng hoặc người đại diện cho người đó (bao gồm người chăm sóc chính hoặc người chăm sóc), được phép tạo bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm phục vụ mục đích sử dụng cá nhân của người thụ hưởng hoặc trợ giúp người thụ hưởng tạo và sử dụng các bản sao dễ tiếp cận, khi người thụ hưởng có quyền truy cập hợp pháp vào tác phẩm đó hoặc bản sao của tác phẩm đó.

X.3 Trao đổi bản sao dễ tiếp cận qua biên giới

- (a) Tổ chức được ủy quyền được phép, mà không cần sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền,
- (i) phân phối hoặc cung cấp cho người thụ hưởng sử dụng độc quyền các bản sao dễ tiếp cận hoặc cho một tổ chức được ủy quyền ở một quốc gia khác; và
 - (ii) phân phối hoặc cung cấp bản sao dễ tiếp cận cho người thụ hưởng ở một quốc gia khác;
- miễn là trước khi phân phối hoặc cung cấp, tổ chức có thẩm quyền ban đầu không biết hoặc có cơ sở hợp lý để biết rằng bản sao dễ tiếp cận sẽ được sử dụng cho người khác ngoài người thụ hưởng.
- (b) Tổ chức được ủy quyền, người thụ hưởng hoặc người đại diện (bao gồm người chăm sóc chính hoặc người chăm sóc), được phép nhập bản sao dễ tiếp cận, qua phương tiện có dây hoặc không dây, mà không cần sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền.

X.4 Các biện pháp công nghệ [nếu việc vô hiệu các biện pháp công nghệ bị cấm]

Tổ chức được ủy quyền, người thụ hưởng hoặc người đại diện được phép làm vô hiệu các biện pháp công nghệ hiệu quả phục vụ cho mục đích hưởng lợi từ các ngoại lệ được quy định trong Mục này, mà không cần sự cho phép của chủ bản quyền.

X.5 Tôn trọng quyền riêng tư

Tổ chức được ủy quyền phải tôn trọng quyền riêng tư của người thụ hưởng khi cung cấp các dịch vụ theo Phần này.

Ngoài văn bản pháp lý này, cơ quan lập pháp hoặc cơ quan chính phủ có thể áp dụng các phát hiện hoặc đưa ra tuyên bố nhấn mạnh rằng Phần này nhằm thúc đẩy việc tạo và phân phối các bản sao để tiếp cận, bao gồm cả việc trao đổi qua biên giới. Hơn nữa, có thể khuyến khích các tổ chức được ủy quyền thực hiện theo các quy định của Phần này chia sẻ thông tin với Văn phòng Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới nhằm hỗ trợ các tổ chức được ủy quyền có mối liên kết với nhau và tạo ra những cuộc trao đổi bản sao để tiếp cận đa quốc gia mang tầm vóc lớn hơn, nhưng chỉ dựa trên cơ sở tự nguyện.

Ngày 25 tháng 9 năm 2013

Phụ lục 2: Tuyên bố của Hiệp hội người mù khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (WBUAP) tại Hong Kong.

Tuyên bố của Hiệp hội người mù khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (WBUAP) tại Hong Kong.

Ngày 24 tháng 11 năm 2014, tại Hong Kong, chúng tôi tuyên bố tại Đại hội Khu vực giữa nhiệm kỳ WBUAP (gọi tắt là Đại hội),

1. Kêu gọi tất cả các quốc gia trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (gọi tắt là Khu vực) phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh để tạo cơ hội sớm nhất cho những người mù, người kém mắt hay người không có khả năng đọc chữ in được quyền tiếp cận các tác phẩm văn học, văn hóa và các tài liệu giáo dục.
2. Mở ra cơ hội hợp tác với Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (LHQ) để nâng cao năng lực trong khu vực nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận thông tin cho những người khiếm thị hoặc người không có khả năng đọc chữ in.
3. Khuyến khích các tổ chức phát triển phối hợp với chính phủ các nước hỗ trợ thu thập dữ liệu, xây dựng các chính sách và chiến lược toàn diện để thúc đẩy kế hoạch hành động trong Chiến lược Incheon.
4. Hối thúc chính phủ các quốc gia và các bên liên quan trong khu vực nỗ lực thúc đẩy việc phê chuẩn và triển khai hiệu quả Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD). Đặc biệt là ưu tiên đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của người khuyết tật và các tổ chức đại diện của họ trong việc tăng cường các cơ chế giám sát độc lập, trong đó hơn một nửa số quốc gia trên thế giới đã phê chuẩn UNCRPD có đại diện tham dự và báo cáo cho LHQ.
5. Qua sự nhiệt tình và quyết tâm mạnh mẽ của những người phụ nữ khiếm thị thể hiện thông qua Diễn đàn Phụ nữ, thúc đẩy các chương trình vận động trao quyền cho phụ nữ khuyết tật, phù hợp với Tuyên bố chung cấp bộ trưởng của các quốc gia khu vực Châu Á-TBD về bình đẳng giới và nâng cao năng lực của phụ nữ (UNESCAP, 2014).
6. Để ghi nhận những cơ hội và thách thức mà những thanh niên khiếm thị trong khu vực và đánh giá thành công to lớn của Diễn đàn Thanh niên tại Đại hội này trong việc thúc đẩy tinh thần sáng tạo và phát triển doanh nghiệp xã hội của thanh niên trong Khu vực, chúng tôi đề xuất tổ chức diễn đàn thanh niên trong khuôn khổ các kì Đại hội của khu vực trong tương lai và kiến nghị Hiệp hội người mù thế giới (WBU) tổ chức một hội nghị thượng đỉnh thanh niên quốc tế.
7. Kêu gọi tất cả chính phủ các nước, các doanh nghiệp và các đối tác toàn cầu có những bước đi cần thiết để đảm bảo cung cấp các công nghệ cần thiết, có thể tiếp cận và phù hợp với người khiếm thị trong khu vực để những công nghệ này được áp dụng nhanh chóng và xóa bỏ cách biệt trong xã hội.
8. Để xướng và triển khai các chiến dịch truy cập trên web ở cấp khu vực nhằm thúc đẩy công nhận các tiêu chuẩn tiếp cận quốc tế trong thiết kế web, ứng dụng, học trực tuyến và các sản phẩm/dịch vụ công nghệ thông tin cùng với sự tư vấn cho các tổ chức đại diện cho người mù/kém mắt.
9. Cam kết chủ động chia sẻ những sáng kiến và chương trình liên quan đến gây quỹ và phát triển năng lực.
10. Nhấn mạnh cấp độ thất nghiệp cao của những người khiếm thị trong khu vực, đặt ra yêu cầu cho các chính phủ triển khai các chương trình nhằm đảm bảo sự tham gia đầy đủ vào nguồn cơ hội việc làm mở bao gồm các chương trình đào tạo cho chủ doanh nghiệp và cộng đồng, chuyển đổi sang các chương trình hỗ trợ việc làm và kế hoạch cung cấp các trang thiết bị đặc biệt cho người khuyết tật của chính phủ.
11. Để ghi nhận các doanh nghiệp xã hội đã thể hiện sự ảnh hưởng trong việc tạo cơ hội việc làm cho người mù, thay đổi thái độ của cộng đồng và gây quỹ nhằm đưa thêm bằng chứng cho việc vận động hỗ trợ người mù/khiếm thị, Đại hội đề nghị WBUAP và WBU tiến hành công việc phân tích các doanh nghiệp xã hội được quảng bá và nâng cao năng lực như thế nào.



*Empowered lives.
Resilient nations.*

United Nations Development Programme

Viet Nam Country Office

304 Kim Ma, Ba Dinh, Ha Noi

Email: registry.vn@undp.org

Tel: (+84 4) 38 500100

Fax: (84-4) 37265520

Web: <http://www.vn.undp.org/>